UỶ BAN NHÂN DÂN **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 1324 /QĐ-UBND	*Bắc Giang, ngày 27 tháng 12 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giao kế hoạch đầu tư công, chương trình mục tiêu quốc gia năm 2023 tỉnh Bắc Giang

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: số 1535/QĐ-TTg ngày 15 tháng 9 năm 2021 về việc giao kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025; số 236/QĐ-TTg ngày 21 tháng 2 năm 2022 về việc giao, điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 cho các bộ, ngành cơ quan trung ương và địa phương (đợt 2); số 1113/QĐ-TTg ngày 21 tháng 9 năm 2022 về việc giao kế hoạch vốn ngân sách trung ương của Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội;

Căn cứ Quyết định số 1506/QĐ-TTg ngày 02 tháng 12 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2023;

Căn cứ Quyết định số 1513/QĐ-TTg ngày 03 tháng 12 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2023;

Căn cứ Nghị quyết số 44/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XIX, kỳ họp thứ 9 về kế hoạch đầu tư công, chương trình mục tiêu quốc gia năm 2023 tỉnh Bắc Giang.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao kế hoạch đầu tư công, chương trình mục tiêu quốc gia năm 2023 cho các sở, cơ quan trực thuộc UBND tỉnh, UBND các huyện, thành phố và các chủ đầu tư *(tại các biểu kèm theo).*

Điều 2. UBND các huyện, thành phố giao chi tiết kế hoạch năm 2023 các nguồn vốn: (1) Ngân sách tỉnh hỗ trợ theo Nghị quyết số 36/2020/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của HĐND tỉnh ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí và định

mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách tỉnh hỗ trợ đầu tư cho các huyện, thành phố giai đoạn 2021-2025; (2) Nguồn thu tiền sử dụng đất để lại cho các huyện, thành phố theo Nghị quyết số 47/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh ban hành quy định phân cấp ngân sách các cấp chính quyền địa phương tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2022-2025; (3) Ngân sách tỉnh hỗ trợ đầu tư cơ sở làm việc Công an xã giai đoạn 2021-2025 theo Quyết định số 1233/QĐ-UBND ngày 21/6/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh; (4) Ngân sách tỉnh hỗ trợ đầu tư xây dựng công trình ngầm, cầu dân sinh trên địa bàn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Bắc Giang, giai đoạn 2022-2024 theo Kế hoạch số 511/KH-UBND ngày 15/10/2021 của UBND tỉnh; (5) Các Chương trình mục tiêu quốc gia (vốn phân bổ cho huyện, xã); (6) Ngân sách tỉnh hỗ trợ ngân sách huyện, thành phố đầu tư các dự án. Báo cáo Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính kết quả giao kế hoạch để theo dõi, tổng hợp.

Điều 3. Các sở, cơ quan trực thuộc UBND tỉnh, UBND các huyện, thành phố và các chủ đầu tư định kỳ hằng tháng, quý và cả năm báo cáo tình hình thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công, chương trình mục tiêu quốc gia năm 2023 về Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính để theo dõi, tổng hợp báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh, UBND tỉnh, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính theo quy định.

Điều 4. Giám đốc sở, thủ trưởng các cơ quan trực thuộc UBND tỉnh, Kho bạc Nhà nước tỉnh, Cục Thuế tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, chủ đầu tư dự án và các đơn vị liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:
- Như Điều 4;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư , Bộ Tài chính;
- TT Tỉnh uỷ, TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- VP Tỉnh uỷ, các cơ quan của Tỉnh ủy;
- UBMTTQ và các đoàn thể CT-XH tỉnh;
- VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- VP UBND tỉnh: LĐVP, Trung tâm Thông tin, các chuyên viên khối nghiên cứu;
- Lưu VT, TH (50b).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Lê Ánh Dương

HỆ THỐNG BIỂU
KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số 1324/QĐ-UBND ngày 27 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

Biểu số 01

TỔNG HỢP KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG, CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA NĂM 2023 TỈNH BẮC GIANG

(Kèm theo Quyết định số 1324/QĐ-UBND ngày 27 tháng 12 năm 2022 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch vốn năm 2023			Ghi chú
		Tổng số	Trong đó:		
			Vốn đầu tư phát triển	Vốn sự nghiệp (NSTW)	
	TỔNG SỐ	**9.925.843**	**9.507.206**	**418.637**	
I	**Vốn ngân sách nhà nước**	**9.925.843**	**9.507.206**	**418.637**	
	Trong đó:				
1	**Vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương**	**6.738.340**	**6.738.340**		
-	Vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương theo tính điểm do TW cân đối cho tỉnh *(không bao gồm đất, xổ số và bội chi)*	647.440	647.440		
-	Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất	6.000.000	6.000.000		
-	Xổ số kiến thiết	25.000	25.000		
-	Bội chi ngân sách địa phương, trong đó:	65.900	65.900		
	+ Vốn ODA do địa phương vay lại	65.900	65.900		Vốn vay lại được bố trí hàng năm theo tỷ lệ vốn cấp phát
2	**Vốn ngân sách trung ương**	**3.187.503**	**2.768.866**	**418.637**	
2.1	***Vốn trong nước***	***2.023.500***	***2.023.500***		
	- Vốn hỗ trợ mục tiêu theo các chương trình của tỉnh (theo tiêu chí cho tỉnh)	1.390.500	1.390.500		
	+ Trong đó: Thu hồi vốn ứng trước	*199.055*	*199.055*		
	- Vốn hỗ trợ mục tiêu theo chương trình phát triển liên vùng trên địa bàn tỉnh và hỗ trợ khác từ ngân sách trung ương	300.000	300.000		
	- Vốn Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội	333.000	333.000		
2.2	***Vốn thực hiện các Chương trình MTQG***	***958.877***	***540.240***	***418.637***	
-	Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới	270.056	216.040	54.016	
-	Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững	246.193	126.090	120.103	

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch vốn năm 2023			Ghi chú
		Tổng số	Trong đó:		
			Vốn đầu tư phát triển	Vốn sự ngiệp (NSTW)	
-	Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	442.628	198.110	244.518	
2.3	***Vốn nước ngoài (ODA)***	***205.126***	***205.126***		
	- Cấp phát từ ngân sách Trung ương (thực hiện phân bổ chi tiết)	166.336	166.336		
	- Cấp phát từ ngân sách Trung ương (chưa phân bổ chi tiết)	38.790	38.790		Tổng kế hoạch vốn ngân sách trung ương (vốn nước ngoài ODA) cấp phát cho tỉnh Bắc Giang năm 2023 là 205,126 tỷ đồng; song do ODA được bổ sung năm 2022 tại QĐ 1198/QĐ-UBND ngày 12/10/2022 là 43,278 tỷ đồng của 02 chương trình, dự án; do đó, chỉ sử dụng hết 4,488 tỷ đồng, do đó số còn lại không sử dụng hết hoàn trả Trung ương để điều chỉnh bổ sung cho địa phương khác có nhu cầu là 38,790 tỷ đồng
II	**Vốn từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư**				

Biểu số 02

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2023 TỈNH BẮC GIANG

(Kèm theo Quyết định số 1324/QĐ-UBND ngày 27 tháng 12 năm 2022 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư			Quyết định đầu tư ban đầu			Quyết định đầu tư điều chỉnh				Lũy kế kế hoạch vốn đã bố hết năm 2022		Kế hoạch vốn đầu tư năm 2023						Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh	Tổng số	Trong đó					
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh	Vốn NSTW (gồm: NSTW, TPCP)				Vốn CĐNS tỉnh	Vốn bổ sung cho đầu tư nguồn thu tiền sử dụng đất			Vốn xổ số kiến thiết	
																		Tổng số	Nguồn thu tiền sử dụng đất điều tiết ngân sách tỉnh bổ sung cho đầu tư và Quỹ phát triển đất tỉnh (*)	Vốn từ nguồn thu tiền sử dụng đất để lại các huyện, thành phố (bao gồm cả cấp xã)		
	TỔNG SỐ (A+B)				**10.361.562**	**7.884.495**		**10.340.842**	**7.882.142**		**225.838**	**67.751**		**4.021.653**	**3.111.653**	**6.672.440**	**647.440**	**6.000.000**	**1.912.500**	**4.087.500**	**25.000**	
A	**NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH TỈNH VÀ XỔ SỐ KIẾN THIẾT**				**10.361.562**	**7.884.495**		**10.340.842**	**7.882.142**		**225.838**	**67.751**		**4.021.653**	**3.111.653**	**2.434.940**	**647.440**	**1.762.500**	**1.762.500**		**25.000**	
I	**TRẢ NỢ VỐN VAY TÍN DỤNG ƯU ĐÃI PHẦN NGÂN SÁCH TỈNH PHẢI TRẢ**													**41.148**	**41.148**	**34.200**	**34.200**					
1	Trả nợ gốc các theo Hiệp định các dự án ODA đến niên hạn phải trả		2022											41.148	41.148	34.200	34.200					
II	**THANH TOÁN CÁC DỰ ÁN QUYẾT TOÁN**		**2022**													**364.131**	**43.490**	**320.641**	**320.641**			
III	**VỐN CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ**															**10.000**	**10.000**					
IV	**HỖ TRỢ CÁC HUYỆN, THÀNH PHỐ**				**533.500**	**334.000**		**533.500**	**334.000**					**432.500**	**432.500**	**343.600**	**165.200**	**178.400**	**178.400**			
1	Ngân sách tỉnh hỗ trợ các huyện, thành phố theo tiêu chí tính điểm (Nghị quyết số 36/2020/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của HĐND tỉnh)		2021-2025											200.000	200.000	100.000	100.000					
1.1	Thành phố Bắc Giang													11.800	11.800	5.900	5.900					
1.2	Huyện Sơn Động													27.600	27.600	13.800	13.800					
1.3	Huyện Lục Ngạn													32.600	32.600	16.300	16.300					
1.4	Huyện Lục Nam													25.200	25.200	12.600	12.600					
1.5	Huyện Yên Thế													21.800	21.800	10.900	10.900					
1.6	Huyện Hiệp Hòa													16.200	16.200	8.100	8.100					
1.7	Huyện Tân Yên													18.400	18.400	9.200	9.200					
1.8	Huyện Việt Yên													13.000	13.000	6.500	6.500					
1.9	Huyện Yên Dũng													13.600	13.600	6.800	6.800					

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư			Quyết định đầu tư ban đầu			Quyết định đầu tư điều chỉnh				Lũy kế kế hoạch vốn đã bố hết năm 2022		Kế hoạch vốn đầu tư năm 2023						Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh	Tổng số	Trong đó					
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh	Vốn NSTW (gồm: NSTW, TPCP)				Vốn CĐNS tỉnh	Vốn bổ sung cho đầu từ nguồn thu tiền sử dụng đất			Vốn xổ số kiến thiết	
																		Tổng số	Nguồn thu tiền sử dụng đất điều tiết ngân sách tỉnh bổ sung cho đầu tư và Quỹ phát triển đất tỉnh (*)	Vốn từ nguồn thu tiền sử dụng đất để lại các huyện, thành phố (bao gồm cả cấp xã)		
1.10	Huyện Lạng Giang													19.800	19.800	9.900	9.900					
2	Hỗ trợ các huyện, thành phố thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025		2021-2025											120.000	120.000	65.200	65.200					
3	Đối ứng Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025		2021-2025											5.000	5.000	20.000		20.000	20.000			Đối ứng 15% NSTW theo quy định NQ HĐND tỉnh; tổng hợp chung ở cột 34-Biểu số 3.c
4	Đối ứng Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030		2021-2025											30.000	30.000	50.000		50.000	50.000			Đối ứng 15% NSTW theo quy định NQ HĐND tỉnh; tổng hợp chung ở cột 34-Biểu số 3.c
5	**Hỗ trợ đầu tư xây dựng công trình ngầm, cầu dân sinh trên địa bàn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Bắc Giang, giai đoạn 2022-2024**		**2022-2024**	**511/KH-UBND, 15/10/2021**	**165.500**	**150.000**		**165.500**	**150.000**					**37.500**	**37.500**	**58.400**		**58.400**	**58.400**			**Thực hiện hỗ trợ ngân sách huyện**
(1)	Đầu tư xây dựng công trình ngầm dân sinh trên địa bàn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi huyện Sơn Động, giai đoạn 2022-2024	Ban QLDA ĐTXD huyện Sơn Động	2022-2024	615/QĐ-UBND ngày 05/11/2021 của UBND huyện Sơn Động	79.930	72.000	448/QĐ-UBND, 14/02/2022	79.703	72.000					21.600	21.600	25.000		25.000	25.000			Hỗ trợ ngân sách huyện
(2)	Đầu tư xây dựng công trình ngầm, cầu dân sinh trên địa bàn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi huyện Lục Ngạn	Ban QLDA ĐTXD huyện Lục Ngạn	2022-2024	2073/QĐ-UBND ngày 05/11/2021 của UBND huyện Lục Ngạn	29.400	25.000	408/QĐ-UBND, 28/01/2022	22.955						7.500	7.500	10.000		10.000	10.000			Hỗ trợ ngân sách huyện

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư			Quyết định đầu tư ban đầu			Quyết định đầu tư điều chỉnh				Lũy kế kế hoạch vốn đã bố hết năm 2022		Kế hoạch vốn đầu tư năm 2023						Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh	Tổng số	Trong đó					
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh	Vốn NSTW (gồm: NSTW, TPCP)				Vốn CĐNS tỉnh	Vốn bổ sung cho đầu từ nguồn thu tiền sử dụng đất			Vốn xổ số kiến thiết	
																		Tổng số	Nguồn thu tiền sử dụng đất điều tiết ngân sách tỉnh bổ sung cho đầu tư và Quỹ phát triển đất tỉnh (*)	Vốn từ nguồn thu tiền sử dụng đất để lại các huyện, thành phố (bao gồm cả cấp xã)		
(3)	Đầu tư xây dựng công trình ngầm, cầu dân sinh trên địa bàn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi huyện Lục Nam, giai đoạn 2022-2024	Ban QLDA ĐTXD huyện Lục Nam	2022-2024	2706/QĐ-UBND ngày 03/11/2021 của UBND huyện Lục Nam	48.200	41.000	1464/QĐ-UBND, 04/3/2022	46.302	41.000					12.300	12.300	15.000		15.000	15.000			Hỗ trợ ngân sách huyện
(4)	Đầu tư xây dựng công trình ngầm dân sinh trên địa bàn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi huyện Yên Thế	Ban QLDA ĐTXD huyện Yên Thế	2022-2024	645/QĐ-UBND ngày 03/11/2021 của UBND huyện Yên Thế	14.613	12.000	7900/QĐ-UBND, 15/11/2021	14.613	12.000					3.600	3.600	8.400		8.400	8.400			Hỗ trợ ngân sách huyện
6	**Hỗ trợ đầu tư cơ sở làm việc công an xã chính quy giai đoạn 2021-2025 (hỗ trợ từ ngân sách tỉnh 01 tỷ đồng/xã)**	**UBND các huyện, xã**	**2021-2025**	**1233/QĐ-UBND, 21/6/2021**	**368.000**	**184.000**	**1233/QĐ-UBND, 21/6/2021**	**368.000**	**184.000**					**40.000**	**40.000**	**50.000**		**50.000**	**50.000**			Ngân sách tỉnh hỗ trợ cho ngân sách cấp huyện, xã; đồng thời, ngân sách cấp huyện, xã đối ứng bổ sung thực hiện; theo đề xuất các huyện thành phố có khả năng triển khai thực hiện
	Thành phố Bắc Giang															2.000		2.000	2.000			
	Huyện Việt Yên					4.000			4.000					4.000	4.000	4.000		4.000	4.000			
	Huyện Hiệp Hòa					3.000			3.000					3.000	3.000	9.000		9.000	9.000			
	Huyện Yên Dũng					2.000			2.000					2.000	2.000	6.000		6.000	6.000			
	Huyện Lạng Giang					4.000			4.000					4.000	4.000	1.000		1.000	1.000			
	Huyện Tân Yên					5.000			5.000					5.000	5.000	6.000		6.000	6.000			
	Huyện Yên Thế					6.000			6.000					6.000	6.000	6.000		6.000	6.000			
	Huyện Lục Nam					5.000			5.000					5.000	5.000	7.000		7.000	7.000			
	Huyện Lục Ngạn					6.000			6.000					6.000	6.000	4.000		4.000	4.000			
	Huyện Sơn Động					5.000			5.000					5.000	5.000	5.000		5.000	5.000			
V	**LĨNH VỰC GIAO THÔNG**				**6.720.036**	**4.625.556**		**6.700.125**	**4.624.012**					**2.676.742**	**1.796.742**	**906.300**	**93.800**	**812.500**	**812.500**			
*	**Các dự án chuyển tiếp dự kiến hoàn thành năm 2023**				**2.587.485**	**1.407.485**		**2.587.482**	**1.407.482**					**1.750.081**	**870.081**	**94.800**	**14.800**	**80.000**	**80.000**			

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư			Quyết định đầu tư ban đầu			Quyết định đầu tư điều chỉnh				Lũy kế kế hoạch vốn đã bố hết năm 2022		Kế hoạch vốn đầu tư năm 2023						Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh	Tổng số	Trong đó					
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh	Vốn NSTW (gồm: NSTW, TPCP)				Vốn CĐNS tỉnh	Vốn bổ sung cho đầu từ nguồn thu tiền sử dụng đất			Vốn xổ số kiến thiết	
																		Tổng số	Nguồn thu tiền sử dụng đất điều tiết ngân sách tỉnh bổ sung cho đầu tư và Quỹ phát triển đất tỉnh (*)	Vốn từ nguồn thu tiền sử dụng đất để lại các huyện, thành phố (bao gồm cả cấp xã)		
1	Đường nối QL37 - QL17 - Võ Nhai (Thái Nguyên), tỉnh Bắc Giang	Ban QLDA ĐTXD các công trình giao thông, nông nghiệp tỉnh	2021-2024	39/NQ-HĐND ngày 09/12/2020	1.452.715	352.715	1065/QĐ-UBND ngày 04/6/2021	1.452.715	352.715					920.800	120.800	14.800	14.800					
2	Đường nối từ QL37-QL17-ĐT292 (đoạn Việt Yên, Tân Yên, Lạng Giang), tỉnh Bắc Giang	Ban QLDA ĐTXD các công trình giao thông, nông nghiệp tỉnh	2021-2024	09/NQ-HĐND ngày 09/7/2020; 39/NQ-HĐND ngày 09/12/2020	678.443	598.443	2555/QĐ-UBND ngày 24/12/2020	678.443	598.443					578.281	498.281	30.000		30.000	30.000			
3	Xây dựng cầu Như Nguyệt, tỉnh Bắc Giang	Ban QLDA ĐTXD các công trình giao thông, nông nghiệp tỉnh	2022-2024	39/NQ-HĐND ngày 29/10/2021	456.327	456.327	2612/QĐ-UBND ngày 21/12/2021	456.324	456.324					251.000	251.000	50.000		50.000	50.000			
*	**Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2023**				**2.610.018**	**2.610.018**		**2.609.384**	**2.609.384**					**721.061**	**721.061**	**576.000**	**79.000**	**497.000**	**497.000**			
1	Nâng cấp, mở rộng đường nối từ ĐT293 đến QL17, tỉnh Bắc Giang	Ban QLDA ĐTXD các công trình giao thông, nông nghiệp tỉnh	2022-2024	48/NQ-HĐND, 10/12/2021	571.200	571.200	794/QĐ-UBND ngày 16/5/2022	571.200	571.200					101.000	101.000	250.000		250.000	250.000			
2	Nút giao liên thông tại thị trấn Vôi với cao tốc Bắc Giang - Lạng Sơn, tỉnh Bắc Giang	Ban QLDA ĐTXD các công trình giao thông, nông nghiệp tỉnh	2022-2025	03/NQ-HĐND, 29/3/2021	211.147	211.147	2626/QĐ-UBND, 21/12/2021	211.035	211.035					70.700	70.700	79.000	79.000					

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư			Quyết định đầu tư ban đầu			Quyết định đầu tư điều chỉnh				Lũy kế kế hoạch vốn đã bố hết năm 2022		Kế hoạch vốn đầu tư năm 2023						Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh	Tổng số	Trong đó					
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh	Vốn NSTW (gồm: NSTW, TPCP)				Vốn CĐNS tỉnh	Vốn bổ sung cho đầu từ nguồn thu tiền sử dụng đất			Vốn xổ số kiến thiết	
																		Tổng số	Nguồn thu tiền sử dụng đất điều tiết ngân sách tỉnh bổ sung cho đầu tư và Quỹ phát triển đất tỉnh (*)	Vốn từ nguồn thu tiền sử dụng đất để lại các huyện, thành phố (bao gồm cả cấp xã)		
3	Xây dựng cầu Đồng Việt và đường dẫn lên cầu, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang	Ban QLDA ĐTXD các công trình giao thông, nông nghiệp tỉnh	2022-2025	14/NQ-HĐND ngày 29/6/2021	1.493.000	1.493.000	2440/QĐ-UBND, 29/11/2021	1.492.478	1.492.478					473.061	473.061	150.000		150.000	150.000			Tạm dừng không phát hành TPCP theo NQ số 15/NQ-HĐND, 12/7/2022
4	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ thị trấn Bố Hạ qua xã Đông Sơn, huyện Yên Thế đi trường Cao đẳng Nghề Đông Bắc	UBND huyện Yên Thế	2022-2025	14/NQ-HĐND ngày 29/6/2021	260.000	260.000	2307/QĐ-UBND ngày 15/11/2021	260.000	260.000					40.800	40.800	65.000		65.000	65.000			
5	Cải tạo, nâng cấp hệ thống đường trục chính thị trấn An Châu, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang	UBND huyện Sơn Động	2021-2023	1124/QĐ-UBND ngày 07/12/2020	74.671	74.671	1262/QĐ-UBND ngày 24/6/2021	74.671	74.671					35.500	35.500	32.000		32.000	32.000			
*	**Dự án khởi công mới năm 2023**				**126.721**	**126.721**		**126.575**	**126.575**					**600**	**600**	**40.000**		**40.000**	**40.000**			
1	Đầu tư tuyến đường kết nối từ ĐT295 đến QL37, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang	Ban QLDA ĐTXD các công trình giao thông, nông nghiệp tỉnh	2022-2025 (chuyển năm 2023 KCM)	39/NQ-HĐND ngày 09/12/2020; 42/NQ-HĐND ngày 29/10/2021	126.721	126.721	3243/QĐ-UBND ngày 16/11/2022	126.575	126.575					600	600	40.000		40.000	40.000			
*	**Hỗ trợ ngân sách các huyện**				**1.395.812**	**481.332**		**1.376.683**	**480.571**					**205.000**	**205.000**	**195.500**		**195.500**	**195.500**			
-	**Hỗ trợ ngân sách huyện Việt Yên**																					

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư			Quyết định đầu tư ban đầu			Quyết định đầu tư điều chỉnh				Lũy kế kế hoạch vốn đã bố hết năm 2022		Kế hoạch vốn đầu tư năm 2023						Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh	Tổng số	Trong đó					
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh	Vốn NSTW (gồm: NSTW, TPCP)				Vốn CĐNS tỉnh	Vốn bổ sung cho đầu từ nguồn thu tiền sử dụng đất			Vốn xổ số kiến thiết	
																		Tổng số	Nguồn thu tiền sử dụng đất điều tiết ngân sách tỉnh bổ sung cho đầu tư và Quỹ phát triển đất tỉnh (*)	Vốn từ nguồn thu tiền sử dụng đất để lại các huyện, thành phố (bao gồm cả cấp xã)		
1	Xây dựng tuyến đường kết nối đường Quốc lộ 17 với Cao tốc Hà Nội - Bắc Giang qua Khu công nghiệp Yên Lư và Khu công nghiệp Vân Trung, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang	UBND huyện Việt Yên	2021-2024	27/NQ-HĐND ngày 29/5/2020 của HĐND huyện Việt Yên	170.664	85.332	4711/QĐ-UBND ngày 04/8/2020 của UBND h. Việt Yên	169.142	84.571					65.000	65.000	19.500		19.500	19.500			Tỉnh hỗ trợ NS huyện bằng 50% TMĐT
-	**Hỗ trợ ngân sách huyện Lạng Giang**																					
1	Tuyến đường huyện đoạn từ QL37 đi đường Vành đai V thủ đô	Ban QLDA ĐTXD huyện Lạng Giang	2021-2024	44/NQ-HĐND ngày 17/12/2020 của HĐND huyện Lạng Giang	410.000	60.000	4708/QĐ-UBND ngày 09/8/2021 của UBND huyện Lạng Giang	409.529	60.000					20.000	20.000	40.000		40.000	40.000			Thực hiện hỗ trợ NS huyện
-	**Hỗ trợ ngân sách huyện Hiệp Hòa**																					
1	Xây dựng tuyến đường trục Bắc Nam, huyện Hiệp Hòa	Ban QLDA ĐTXD huyện Hiệp Hòa	2021-2024	37/NQ-HĐND ngày 23/3/2021 của HĐND huyện Hiệp Hòa; 430/BC-SKHĐT, 19/7/2021	500.000	150.000	2869/QĐ-UBND ngày 28/6/2021 của UBND huyện Hiệp Hòa	482.964	150.000					45.000	45.000	70.000		70.000	70.000			Thực hiện hỗ trợ NS huyện
-	**Hỗ trợ ngân sách huyện Lục Nam**																					
1	Xây dựng tuyến đường nối từ QL37 đi QL31 (Đoạn từ cầu Sen đi cầu Già Khê), thị trấn Đồi Ngô, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang	Ban QLDA ĐTXD huyện Lục Nam	2022-2025	66/NQ-HĐND ngày 06/8/2021 của HĐND huyện Lục Nam	220.300	110.000	14838/QĐ-UBND ngày 05/11/2021 của UBND huyện Lục Nam	220.300	110.000					45.000	45.000	40.000		40.000	40.000			Thực hiện hỗ trợ NS huyện
	Hỗ trợ ngân sách huyện Sơn Động																					
1	Đường từ QL31 vào khu du lịch sinh thái Khe Rỗ, xã An Lạc, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang	UBND huyện Sơn Động	2022-2025	20/NQ-HĐND ngày 12/8/2021 của HĐND huyện Sơn Động	94.848	76.000	5122/QĐ-UBND ngày 05/11/2021 của UBND huyện Sơn Động	94.749	76.000					30.000	30.000	26.000		26.000	26.000			Thực hiện hỗ trợ NS huyện
VI	**NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP, THỦY LỢI VÀ PTNT**				**669.789**	**644.789**		**668.980**	**643.980**					**337.389**	**312.389**	**212.959**	**75.000**	**137.959**	**137.959**			

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư			Quyết định đầu tư ban đầu			Quyết định đầu tư điều chỉnh				Lũy kế kế hoạch vốn đã bố hết năm 2022		Kế hoạch vốn đầu tư năm 2023						Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh	Tổng số	Trong đó					
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh	Vốn NSTW (gồm: NSTW, TPCP)				Vốn CĐNS tỉnh	Vốn bổ sung cho đầu từ nguồn thu tiền sử dụng đất			Vốn xổ số kiến thiết	
																		Tổng số	Nguồn thu tiền sử dụng đất điều tiết ngân sách tỉnh bổ sung cho đầu tư và Quỹ phát triển đất tỉnh (*)	Vốn từ nguồn thu tiền sử dụng đất để lại các huyện, thành phố (bao gồm cả cấp xã)		
*	**Các dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2023**				**172.171**	**172.171**		**172.171**	**172.171**					**132.189**	**132.189**	**22.400**		**22.400**	**22.400**			
1	Cải tạo, nâng cấp trạm bơm Khám Lạng	Ban QLDA ĐTXD các công trình giao thông, nông nghiệp tỉnh	2021-2023	706/QĐ-UBND ngày 12/8/2020	76.741	76.741	453/QĐ-UBND ngày 13/3/2021	76.741	76.741					62.839	62.839	6.000		6.000	6.000			
2	Xây dựng Trạm bơm Ngòi Mân, xã Yên Sơn, huyện Lục Nam	Ban QLDA ĐTXD các công trình giao thông, nông nghiệp tỉnh	2021-2023	707/QĐ-UBND ngày 12/8/2020	77.174	77.174	484/QĐ-UBND ngày 18/3/2021	77.174	77.174					61.150	61.150	8.000		8.000	8.000			
3	Quản lý an toàn đập, hồ chứa nước, gồm các hồ: Đá Ong, Cầu Rễ, Suối Cấy; đập Thác Huống, Đá Gân và đập Sông Sói	Công ty TNHH MTV KTCTTL Nam Sông Thương	2021-2023	1121/QĐ-UBND ngày 04/12/2020	18.256	18.256	2203/QĐ-UBND ngày 03/11/2021	18.256	18.256					8.200	8.200	8.400		8.400	8.400			
*	**Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2023**				**474.368**	**449.368**		**473.559**	**448.559**					**205.000**	**180.000**	**180.559**	**75.000**	**105.559**	**105.559**			
1	Xây dựng mới trạm bơm cống Chán	Ban QLDA ĐTXD các công trình giao thông, nông nghiệp tỉnh	2021-2024	39/NQ-HĐND ngày 09/12/2020	474.368	449.368	1352/QĐ-UBND ngày 02/7/2021	473.559	448.559					205.000	180.000	180.559	75.000	105.559	105.559			
*	**Dự án khởi công mới năm 2023**				**23.250**	**23.250**		**23.250**	**23.250**					**200**	**200**	**10.000**		**10.000**	**10.000**			
1	Quản lý an toàn đập, hồ chứa nước, gồm các hồ: Cấm Sơn, Khuôn Thần, Suối Nứa; đập dâng Cầu Sơn	Công ty TNHH MTV KTCTTL Bắc Sông Thương	2021-2023	1122/QĐ-UBND ngày 04/12/2020	23.250	23.250	509/QĐ-UBND ngày 06/4/2022	23.250	23.250					200	200	10.000		10.000	10.000			
VII	**LĨNH VỰC VĂN HÓA, PTTH, THANH THIẾU NIÊN**				**597.900**	**597.900**		**597.900**	**597.900**					**122.950**	**122.650**	**70.000**	**5.000**	**65.000**	**65.000**			

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư			Quyết định đầu tư ban đầu			Quyết định đầu tư điều chỉnh				Lũy kế kế hoạch vốn đã bố hết năm 2022		Kế hoạch vốn đầu tư năm 2023						Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh	Tổng số	Trong đó					
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh	Vốn NSTW (gồm: NSTW, TPCP)				Vốn CĐNS tỉnh	Vốn bổ sung cho đầu từ nguồn thu tiền sử dụng đất			Vốn xổ số kiến thiết	
																		Tổng số	Nguồn thu tiền sử dụng đất điều tiết ngân sách tỉnh bổ sung cho đầu tư và Quỹ phát triển đất tỉnh (*)	Vốn từ nguồn thu tiền sử dụng đất để lại các huyện, thành phố (bao gồm cả cấp xã)		
*	**Dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2023**				**17.171**	**17.171**		**17.171**	**17.171**					**10.250**	**10.250**	**5.000**	**5.000**					
1	Đầu tư xây dựng cải tạo Nhà văn hóa Thiếu nhi tỉnh Bắc Giang	Tỉnh Đoàn Bắc Giang	2022-2023	633/QĐ-UBND ngày 25/6/2021	17.171	17.171	2261/QĐ-UBND ngày 09/11/2021	17.171	17.171					10.250	10.250	5.000	5.000					
*	**Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2023**				**540.769**	**540.769**		**540.769**	**540.769**					**112.400**	**112.400**	**50.000**		**50.000**	**50.000**			
1	Đầu tư Xây dựng Trung tâm Văn hóa - Triển lãm tỉnh Bắc Giang	Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh	2022-2025	18/NQ-HĐND, 10/8/2021	540.769	540.769	2659/QĐ-UBND ngày 20/7/2022	540.769	540.769					112.400	112.400	50.000		50.000	50.000			
*	**Dự án khởi công mới năm 2023**				**39.960**	**39.960**		**39.960**	**39.960**					**300**		**15.000**		**15.000**	**15.000**			
1	Đầu tư hệ thống trang thiết bị kỹ thuật công nghệ cao phục vụ chuyển đổi số của Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh Bắc Giang	Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh	2023-2024	1303/QĐ-UBND ngày 24/11/2021	39.960	39.960	3467/QĐ-UBND, 23/12/2022	39.960	39.960					300		15.000		15.000	15.000			
VIII	**LĨNH VỰC Y TẾ**				**533.605**	**533.605**		**533.605**	**533.605**					**273.775**	**273.775**	**158.000**	**55.000**	**78.000**	**78.000**		**25.000**	
*	**Các dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2023**				**313.897**	**313.897**		**313.897**	**313.897**					**214.875**	**214.875**	**78.000**	**30.000**	**48.000**	**48.000**			
1	Đầu tư xây dựng mở rộng quy mô giường bệnh Bệnh viện Ung bướu	Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh	2021-2023	09/NQ-HĐND ngày 09/7/2020	149.455	149.455	2192/QĐ-UBND, 30/10/2020	149.455	149.455					82.500	82.500	65.000	30.000	35.000	35.000			
2	Đầu tư xây dựng mở rộng quy mô giường bệnh Trung tâm y tế huyện Việt Yên	Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh	2021-2023	09/NQ-HĐND ngày 09/7/2020	164.442	164.442	2188/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	164.442	164.442					132.375	132.375	13.000		13.000	13.000			

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư			Quyết định đầu tư ban đầu			Quyết định đầu tư điều chỉnh				Lũy kế kế hoạch vốn đã bố hết năm 2022		Kế hoạch vốn đầu tư năm 2023						Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh	Tổng số	Trong đó					
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh	Vốn NSTW (gồm: NSTW, TPCP)				Vốn CĐNS tỉnh	Vốn bổ sung cho đầu từ nguồn thu tiền sử dụng đất			Vốn xổ số kiến thiết	
																		Tổng số	Nguồn thu tiền sử dụng đất điều tiết ngân sách tỉnh bổ sung cho đầu tư và Quỹ phát triển đất tỉnh (*)	Vốn từ nguồn thu tiền sử dụng đất để lại các huyện, thành phố (bao gồm cả cấp xã)		
*	**Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2023**				**219.708**	**219.708**		**219.708**	**219.708**					**58.900**	**58.900**	**80.000**	**25.000**	**30.000**	**30.000**		**25.000**	
1	Đầu tư xây dựng mở rộng quy mô giường bệnh Trung tâm y tế huyện Lục Nam	Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh	2022-2024	14/NQ-HĐND ngày 29/6/2021	219.708	219.708	2262/QĐ-UBND ngày 09/11/2021	219.708	219.708					58.900	58.900	80.000	25.000	30.000	30.000		25.000	
IX	**LĨNH VỰC GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO VÀ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP**				**311.079**	**311.079**		**311.079**	**311.079**					**36.250**	**35.350**	**107.000**	**107.000**					
*	**Dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2023**				**105.446**	**105.446**		**105.446**	**105.446**					**35.350**	**35.350**	**50.000**	**50.000**					
1	Xây dựng cơ sở vật chất một số trường THPT, DTNT trên địa bàn huyện Lục Ngạn, Lục Nam, Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang	Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh	2022-2024	14/NQ-HĐND ngày 29/6/2021	105.446	105.446	2264/QĐ-UBND ngày 09/11/2021	105.446	105.446					35.350	35.350	50.000	50.000					
*	**Dự án khởi công mới năm 2023**				**205.633**	**205.633**		**205.633**	**205.633**					**900**		**57.000**	**57.000**					
1	Đầu tư xây dựng cơ sở vật chất một số trường THPT, trung tâm GDNN-GDTX trên địa bàn huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang	Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh	2023-2025	14/NQ-HĐND ngày 29/6/2021	70.996	70.996	2912/QĐ-UBND ngày 09/9/2022	70.996	70.996					400		17.000	17.000					
2	Xây dựng cơ sở vật chất một số trường THPT, trung tâm GDNN-GDTX trên địa bàn huyện Lạng Giang, huyện Yên Thế	Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh	2023-2025	14/NQ-HĐND ngày 29/6/2021	134.637	134.637	3356/QĐ-UBND ngày 03/12/2022	134.637	134.637					500		40.000	40.000					
X	**LĨNH VỰC KHOA HỌC - CÔNG NGHỆ**				**31.466**	**31.466**		**31.466**	**31.466**					**12.200**	**12.200**	**16.000**	**16.000**					

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư			Quyết định đầu tư ban đầu			Quyết định đầu tư điều chỉnh				Lũy kế kế hoạch vốn đã bố hết năm 2022		Kế hoạch vốn đầu tư năm 2023						Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh	Tổng số	Trong đó					
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh	Vốn NSTW (gồm: NSTW, TPCP)				Vốn CĐNS tỉnh	Vốn bổ sung cho đầu từ nguồn thu tiền sử dụng đất			Vốn xổ số kiến thiết	
																		Tổng số	Nguồn thu tiền sử dụng đất điều tiết ngân sách tỉnh bổ sung cho đầu tư và Quỹ phát triển đất tỉnh (*)	Vốn từ nguồn thu tiền sử dụng đất để lại các huyện, thành phố (bao gồm cả cấp xã)		
*	**Dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2023**				**31.466**	**31.466**		**31.466**	**31.466**					**12.200**	**12.200**	**16.000**	**16.000**					
1	Nâng cao năng lực Trung tâm ứng dụng khoa học và Công nghệ tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021-2023	Sở Khoa học và Công nghệ	2022-2023	766/QĐ-UBND, ngày 27/7/2021	31.466	31.466	2260/QĐ-UBND ngày 09/11/2021	31.466	31.466					12.200	12.200	16.000	16.000					
XI	**LĨNH VỰC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC**				**698.000**	**698.000**		**698.000**	**698.000**					**1.800**		**150.000**		**150.000**	**150.000**			
*	**Dự án khởi công mới năm 2023**				**698.000**	**698.000**		**698.000**	**698.000**					**1.800**		**150.000**		**150.000**	**150.000**			
1.1	Xây dựng Tòa nhà Liên cơ quan mới tỉnh Bắc Giang	Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh	2023-2025	48/NQ-HĐND, 10/12/2021	698.000	698.000	3097/QĐ-UBND ngày 20/10/2022	698.000	698.000					1.800		150.000		150.000	150.000			
XII	**CÔNG CỘNG ĐÔ THỊ - TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**				**40.349**	**40.349**		**40.349**	**40.349**					**15.200**	**15.200**	**15.000**	**15.000**					
1	**Dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2023**				**40.349**	**40.349**		**40.349**	**40.349**					**15.200**	**15.200**	**15.000**	**15.000**					
1.1	Nâng cao năng lực quan trắc môi trường tự động trên địa bàn tỉnh Bắc Giang	Sở Tài nguyên và Môi trường	2022-2023	1263/QĐ-UBND ngày 31/12/2020	40.349	40.349	2255/QĐ-UBND ngày 08/11/2021	40.349	40.349					15.200	15.200	15.000	15.000					
XIII	**LĨNH VỰC ANQP**				**225.838**	**67.751**		**225.838**	**67.751**		**225.838**	**67.751**		**69.700**	**67.700**	**42.750**	**22.750**	**20.000**	**20.000**			
*	**Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2023**				**225.838**	**67.751**		**225.838**	**67.751**		**225.838**	**67.751**		**69.700**	**67.700**	**42.750**	**22.750**	**20.000**	**20.000**			

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư			Quyết định đầu tư ban đầu			Quyết định đầu tư điều chỉnh				Lũy kế kế hoạch vốn đã bố hết năm 2022		Kế hoạch vốn đầu tư năm 2023						Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh	Tổng số	Trong đó					
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh	Vốn NSTW (gồm: NSTW, TPCP)				Vốn CĐNS tỉnh	Vốn bổ sung cho đầu từ nguồn thu tiền sử dụng đất			Vốn xổ số kiến thiết	
																		Tổng số	Nguồn thu tiền sử dụng đất điều tiết ngân sách tỉnh bổ sung cho đầu tư và Quỹ phát triển đất tỉnh (*)	Vốn từ nguồn thu tiền sử dụng đất để lại các huyện, thành phố (bao gồm cả cấp xã)		
1	Xây dựng Kho VKĐ (Đại đội 29)/Bộ CHQS tỉnh Bắc Giang	Bộ CHQS tỉnh		14/NQ-HĐND ngày 29/6/2021	225.838	67.751	2037/QĐ-UBND ngày 07/10/2021	225.838	67.751	2699/QĐ-UBND ngày 28/7/2022	225.838	67.751		62.400	60.400	22.750	22.750					Năm 2021: 35 tỷ đồng (gồm bổ sung NST 20 tỷđ, hoàn trả vốn DBĐV 15 tỷ đồng hỗ trợ trong dự toán NST); năm 2022 là 25 tỷ đồng ; năm 2022 vốn DBĐV 15 tỷ đồng hỗ trợ trong dự toán NST
*	**Dự án chuyển tiếp**													**7.300**	**7.300**	**20.000**		**20.000**	**20.000**			
1	XD HTU CAT	Bộ CHQS tỉnh		255/QĐ-UBND			114/QĐ-UBND							7.300	7.300	20.000		20.000	20.000			
XIV	**HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP ĐẦU TƯ VÀO NÔNG NGHIỆP, NÔNG THÔN THEO NĐ 57/2018/NĐ-CP, NGÀY 17/4/2018 và NQ 07/2019/NQ-HĐND, 11/7/2019**	**Các doanh nghiệp**	**2021-2025**											**2.000**	**2.000**	**5.000**	**5.000**					
B	**TỔNG VỐN ĐẦU TƯ TỪ NGUỒN THU SỬ DỤNG ĐẤT**															**6.000.000**		**6.000.000**	**1.912.500**	**4.087.500**		
	Thành phố Bắc Giang															1.800.000		1.800.000	820.000	980.000		
	Huyện Việt Yên															1.000.000		1.000.000	300.000	700.000		
	Huyện Hiệp Hòa															500.000		500.000	100.000	400.000		
	Huyện Yên Dũng															710.000		710.000	213.000	497.000		
	Huyện Lạng Giang															750.000		750.000	225.000	525.000		
	Huyện Tân Yên															500.000		500.000	100.000	400.000		
	Huyện Yên Thế															120.000		120.000	12.000	108.000		
	Huyện Lục Nam															400.000		400.000	110.000	290.000		
	Huyện Lục Ngạn															200.000		200.000	30.500	169.500		
	Huyện Sơn Động															20.000		20.000	2.000	18.000		

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư			Quyết định đầu tư ban đầu			Quyết định đầu tư điều chỉnh				Lũy kế kế hoạch vốn đã bố hết năm 2022		Kế hoạch vốn đầu tư năm 2023						Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh	Tổng số	Trong đó					
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh	Vốn NSTW (gồm: NSTW, TPCP)				Vốn CĐNS tỉnh	Vốn bổ sung cho đầu từ nguồn thu tiền sử dụng đất			Vốn xổ số kiến thiết	
																		Tổng số	Nguồn thu tiền sử dụng đất điều tiết ngân sách tỉnh bổ sung cho đầu tư và Quỹ phát triển đất tỉnh (*)	Vốn từ nguồn thu tiền sử dụng đất để lại các huyện, thành phố (bao gồm cả cấp xã)		
I	**TRÍCH QUỸ PHÁT TRIỂN ĐẤT TỈNH; QUỸ ĐẦU TƯ; ĐIỀU TIẾT NS TỈNH ĐỂ CHI BT GPMB VÀ BỔ SUNG CHO ĐẦU TƯ**															**1.912.500**		**1.912.500**	**1.912.500**			
	Trong đó:																					
1	**Trích lập quỹ phát triển đất**		**2023**											**235.295**	**235.295**	**50.000**		**50.000**	**50.000**			
2	**Bổ sung vốn điều lệ cho Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh**		**2023**	**Nghị quyết 57/NQ-HĐND, 10/12/2021**			**NQ 57/NQ-HĐND ngày 10/12/202; QĐ 1519/QĐ-UBND ngày 25/12/2021**									**100.000**		**100.000**	**100.000**			Được thực hiện điều chỉnh theo NQ số 57/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 và QĐ số 1519/QĐ-UBND ngày 25/12/2021; điều chỉnh, bổ sung nội dung là điều tiết Quỹ phát triển đất tỉnh và Quỹ đầu tư phát triển tỉnh trong kế hoạch trung hạn 2021-2025 của NQ số 49/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 và không vượt quá số vốn đã điều tiết theo trung hạn đã giao
3	**Bổ sung cho đầu tư cho các dự án cấp thiết của tỉnh**		**2023**													**1.762.500**		**1.762.500**	**1.762.500**			Chi tiết cho các dự án tại cột KH 2023 (*)
II	**VỐN TỪ NGUỒN THU SỬ DỤNG ĐẤT ĐIỀU TIẾT NGÂN SÁCH CÁC HUYỆN, THÀNH PHỐ ĐỂ ĐẦU TƯ**															**4.087.500**		**4.087.500**		**4.087.500**		
1	Thành phố Bắc Giang															980.000		980.000		980.000		
2	Huyện Việt Yên															700.000		700.000		700.000		
3	Huyện Hiệp Hòa															400.000		400.000		400.000		
4	Huyện Yên Dũng															497.000		497.000		497.000		
5	Huyện Lạng Giang															525.000		525.000		525.000		
6	Huyện Tân Yên															400.000		400.000		400.000		
7	Huyện Yên Thế															108.000		108.000		108.000		
8	Huyện Lục Nam															290.000		290.000		290.000		
9	Huyện Lục Ngạn															169.500		169.500		169.500		
10	Huyện Sơn Động															18.000		18.000		18.000		

Biểu số 3a

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) NĂM 2023 TỈNH BẮC GIANG

(Kèm theo Quyết định số 1324/QĐ-UBND ngày 27 tháng 12 năm 2022 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư					Quyết định đầu tư ban đầu				Quyết định đầu tư điều chỉnh cuối cùng						Lũy kế kế hoạch vốn đã bố hết năm 2022		Kế hoạch vốn đầu tư năm 2023			Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh	Vốn NSTW (gồm: NSTW, TPCP)	Vốn khác		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh	Vốn NSTW (gồm: NSTW, TPCP)		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh	Vốn NSTW (gồm: NSTW, TPCP)	Vốn ODA	Vốn khác			Tổng số	Trong đó: Thu hồi các khoản ứng trước	
	TỔNG SỐ				**5.178.969**	**505.555**	**4.547.554**	**124.900**		**6.493.654**	**803.776**	**5.564.425**		**1.964.789**	**554.607**	**1.410.182**			**2.265.343**	**2.076.620**	**1.690.500**	**1.690.500**	**199.055**	
A	**VỐN HỖ TRỢ MỤC TIÊU THEO TIÊU THEO CÁC CHƯƠNG TRÌNH CỦA TỈNH (theo tiêu chí tính điểm cho tỉnh)**				**3.726.254**	**152.840**	**3.447.554**	**124.900**		**5.040.939**	**451.061**	**4.464.425**		**1.964.789**	**554.607**	**1.410.182**			**1.344.543**	**1.276.620**	**1.390.500**	**1.390.500**	**199.055**	
I	**LĨNH VỰC GIAO THÔNG**				**2.166.848**	**8.889**	**2.122.359**	**35.000**		**2.146.903**	**8.889**	**2.102.414**		**1.541.524**	**546.884**	**994.640**			**734.570**	**730.620**	**689.645**	**689.645**		
1	**Các dự án chuyển tiếp dự kiến hoàn thành năm 2023**				**999.009**	**3.200**	**995.209**			**979.064**	**3.200**	**975.264**		**543.143**	**83.543**	**459.600**			**647.150**	**645.000**	**182.800**	**182.800**		
1.1	Cải tạo, nâng cấp ĐT292 (đoạn từ cầu Bố Hạ đến thị trấn Phồn Xương) huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang.	Ban QLDA ĐTXD các công trình giao thông, nông nghiệp tỉnh	2021-2024	09/NQ-HĐND ngày 09/7/2020; 39/NQ-HĐND ngày 09/12/2020	158.135		157.535		2458/QĐ-UBND, 10/12/2020; 2557/QĐ-UBND, 24/12/2020	158.087		157.487							110.600	110.000	23.300	23.300		
1.2	Xây dựng đường và cầu kết nối huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang với thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên (đoạn từ QL37 đến cầu Hòa Sơn)	Ban QLDA ĐTXD các công trình giao thông, nông nghiệp tỉnh	2021-2024	09/NQ-HĐND ngày 09/7/2020	557.933	2.000	555.933		2438/QĐ-UBND ngày 08/12/2020	543.143	2.000	541.143	450/QĐ-UBND ngày 29/3/2022	543.143	83.543	459.600			350.800	350.000	109.600	109.600		
1.3	Cải tạo, nâng cấp ĐT298 (đoạn từ Đình Nèo đi Việt Yên)	Ban QLDA ĐTXD các công trình giao thông, nông nghiệp tỉnh	2021-2024	09/NQ-HĐND ngày 09/7/2020; 39/NQ-HĐND ngày 09/12/2020	282.941	1.200	281.741		2556/QĐ-UBND ngày 24/12/2020	277.834	1.200	276.634							185.750	185.000	49.900	49.900		
2	**Các dự án chuyển tiếp dự kiến hoàn thành sau năm 2023**				**1.167.839**	**5.689**	**1.127.150**	**35.000**		**1.167.839**	**5.689**	**1.127.150**	**-**	**998.381**	**463.341**	**535.040**	**-**	**-**	**87.420**	**85.620**	**506.845**	**506.845**	**-**	
2.1	Xây dựng cầu và đường dẫn nối cảng Mỹ An - QL31 - QL1 và tuyến nhánh hồ Suối Nứa - Khuôn Thần trên địa bàn huyện Lục Nam và Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang	Ban QLDA ĐTXD các công trình giao thông, nông nghiệp tỉnh	2022-2025	09/NQ-HĐND ngày 09/7/2020	937.839	4.689	933.150		353/QĐ-UBND ngày 26/02/2021	937.839	4.689	933.150	1114/QĐ-UBND ngày 03/6/2022	998.381	463.341	535.040			56.620	55.620	441.845	441.845		
2.2	Đường liên xã từ QL17 (đoạn gần thị trấn Nhã Nam) đi Phúc Sơn, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang	UBND huyện Tân Yên	2022-2025	14/NQ-HĐND ngày 29/6/2021	230.000	1.000	194.000	35.000	1980/QĐ-UBND ngày 30/9/2021	230.000	1.000	194.000							30.800	30.000	65.000	65.000		Bố trí vốn CBĐT năm 2021 là 800 triệu đồng; NS huyện BT GPMB 35 tỷ đồng

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư					Quyết định đầu tư ban đầu				Quyết định đầu tư điều chỉnh cuối cùng						Lũy kế kế hoạch vốn đã bố hết năm 2022		Kế hoạch vốn đầu tư năm 2023			Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh	Vốn NSTW (gồm: NSTW, TPCP)	Vốn khác		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh	Vốn NSTW (gồm: NSTW, TPCP)		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh	Vốn NSTW (gồm: NSTW, TPCP)	Vốn ODA	Vốn khác			Tổng số	Trong đó: Thu hồi các khoản ứng trước	
II	**NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP, THỦY LỢI VÀ PTNT**				**354.220**	**15.800**	**266.660**	**71.400**		**1.723.543**	**13.125**	**1.639.018**							**157.900**	**157.000**	**270.755**	**270.755**	**199.055**	
1	**Bố trí thu hồi khoản ứng trước trong giai đoạn 2016-2020 chưa thu hồi**									**1.372.358**		**1.372.358**									**199.055**	**199.055**	**199.055**	
1.1	Dự án Di dân tái định cư Trường bắn Quốc gia khu vực 1 tỉnh Bắc Giang	Chi cục Phát triển Nông thôn	2005-2015						2177/QĐ-CT ngày 19/12/2005; 2201/QĐ-UBND ngày 24/12/2008	1.372.358		1.372.358									199.055	199.055	199.055	
2	**Các dự án chuyển tiếp dự kiến hoàn thành sau năm 2023**				**354.220**	**15.800**	**266.660**	**71.400**		**351.185**	**13.125**	**266.660**							**157.900**	**157.000**	**71.700**	**71.700**		
*	***Các dự án lâm nghiệp***																							
2.1	Dự án nâng cao năng lực phòng cháy, chữa cháy rừng; bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Bắc Giang.	Chi cục Kiểm lâm tỉnh	2021-2024	39/NQ-HĐND ngày 09/12/2020	75.560	15.200	60.000		1605/QĐ-UBND, 29/7/2021	72.525	12.525	60.000							27.500	27.000	10.000	10.000		
*	***Đầu tư các dự án thủy lợi, đê điều***																							
2.2	Kênh tiêu thoát lũ Nham Biền, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang	UBND huyện Yên Dũng	2021-2024	265/HĐND-THTT ngày 27/6/2016; 39/NQ-HĐND ngày 09/12/2020	129.860	200	99.660	30.000	1412/QĐ-UBND ngày 09/7/2021	129.860	200	99.660							60.000	60.000	24.700	24.700		
*	***Hạ tầng phục vụ phát triển nông nghiệp***																							
2.3	Xây dựng, cải tạo hạ tầng thiết yếu vùng trồng cây ăn quả tập trung có giá trị kinh tế cao huyện Lục Ngan, tỉnh Bắc Giang	UBND huyện Lục Ngan	2021-2024	185/QĐ-UBND ngày 31/3/2016; 03/NQ-HĐND ngày 29/3/2021	148.800	400	107.000	41.400	1193/QĐ-UBND ngày 18/6/2021	148.800	400	107.000							70.400	70.000	37.000	37.000		
III	**LĨNH VỰC HẠ TẦNG KHU CÔNG NGHIỆP**				**123.500**		**105.000**	**18.500**		**123.454**		**105.000**							**60.000**	**60.000**	**29.200**	**29.200**		
1	**Các dự án chuyển tiếp dự kiến hoàn thành năm 2023**				**123.500**		**105.000**	**18.500**		**123.454**		**105.000**							**60.000**	**60.000**	**29.200**	**29.200**		
1.1	Xây dựng hệ thống xử lý nước thải KCN Song Khê - Nội Hoàng (phía Bắc) giai đoạn 2	Công ty CP Phát triển hạ tầng Khu công nghiệp Bắc Giang	2021-2024	09/NQ-HĐND ngày 09/7/2020	123.500		105.000	18.500	2186/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	123.454		105.000							60.000	60.000	29.200	29.200		
IV	**LĨNH VỰC Y TẾ**				**495.411**	**86.346**	**409.065**			**495.411**	**374.612**	**120.800**		**290.265**	**2.000**	**288.265**			**169.900**	**115.000**	**224.900**	**224.900**		

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư					Quyết định đầu tư ban đầu				Quyết định đầu tư điều chỉnh cuối cùng						Lũy kế kế hoạch vốn đã bố hết năm 2022		Kế hoạch vốn đầu tư năm 2023			Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh	Vốn NSTW (gồm: NSTW, TPCP)	Vốn khác		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh	Vốn NSTW (gồm: NSTW, TPCP)		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh	Vốn NSTW (gồm: NSTW, TPCP)	Vốn ODA	Vốn khác				Tổng số	Trong đó: Thu hồi các khoản ứng trước	
1	**Các dự án chuyển tiếp dự kiến hoàn thành năm 2023**				**495.411**	**86.346**	**409.065**			**495.411**	**374.612**	**120.800**		**290.265**	**2.000**	**288.265**			**169.900**	**115.000**	**224.900**	**224.900**		
1.1	Đầu tư xây dựng mở rộng quy mô giường bệnh Trung tâm y tế huyện Lục Ngạn	Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh	2021-2023	09/NQ-HĐND ngày 09/7/2020; 39/NQ-HĐND ngày 09/12/2020	139.677	1.000	138.677		2187/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	139.677	139.677		2561/QĐ-UBND ngày 25/12/2020	139.677	1.000	138.677			55.500	55.000	62.300	62.300		
1.2	Đầu tư xây dựng mở rộng quy mô giường bệnh Trung tâm y tế huyện Yên Dũng	Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh	2021-2023	09/NQ-HĐND ngày 09/7/2020; 39/NQ-HĐND ngày 09/12/2020	150.588	1.000	149.588		2189/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	150.588	150.588		2562/QĐ-UBND ngày 25/12/2020	150.588	1.000	149.588			60.500	60.000	66.600	66.600		
1.3	Xây dựng mở rộng quy mô giường bệnh Trung tâm y tế huyện Yên Thế	Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh	2022-2024	14/NQ-HĐND ngày 29/6/2021	205.146	84.346	120.800		2263/QĐ-UBND ngày 09/11/2021	205.146	84.347	120.800							53.900		96.000	96.000		
V	**LĨNH VỰC VĂN HÓA**				**133.000**	**5.723**	**127.277**			**98.353**	**18.353**	**80.000**		**133.000**	**5.723**	**127.277**			**72.723**	**67.000**	**23.000**	**23.000**		
1	**Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2023**				**133.000**	**5.723**	**127.277**			**98.353**	**18.353**	**80.000**		**133.000**	**5.723**	**127.277**			**72.723**	**67.000**	**23.000**	**23.000**		
1.1	Bảo tồn, tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị di tích lịch sử quốc gia đặc biệt Những địa điểm khởi nghĩa Yên Thế tại tỉnh Bắc Giang	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	2019-2024	2263/BC-BKHĐT, 30/3/2016; 916/BKHĐT-TH, 05/2/2016; 1732/QĐ-TTg, ngày 6/9/2016; 118/QĐ-TTg, 21/01/2022	133.000	5.723	127.277		1740/QĐ-UBND, 31/10/2016; 1439/QĐ-UBND ngày 28/8/2019	98.353	18.353	80.000	3237/QĐ-UBND, 14/11/2022	133.000	5.723	127.277			72.723	67.000	23.000	23.000		
VI	**LĨNH VỰC GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO VÀ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP**				**121.982**	**1.982**	**120.000**			**121.982**	**1.982**	**120.000**							**40.700**	**40.000**	**40.000**	**40.000**		
1	**Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2023**				**121.982**	**1.982**	**120.000**			**121.982**	**1.982**	**120.000**							**40.700**	**40.000**	**40.000**	**40.000**		
1.1	Xây dựng khu giảng đường phục vụ học lý thuyết và chương trình giáo dục thường xuyên; Nhà ký túc xá số 2 Trường Cao đẳng nghề Công nghệ Việt - Hàn	Trường Cao đẳng nghề Công nghệ Việt - Hàn Bắc Giang (nay là Trường Cao đẳng Công nghệ Việt - Hàn Bắc Giang)	2021-2024	39/NQ-HĐND ngày 09/12/2020	121.982	1.982	120.000		1318/QĐ-UBND ngày 29/6/2021	121.982	1.982	120.000							40.700	40.000	40.000	40.000		

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư					Quyết định đầu tư ban đầu				Quyết định đầu tư điều chỉnh cuối cùng						Lũy kế kế hoạch vốn đã bố hết năm 2022		Kế hoạch vốn đầu tư năm 2023			Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh	Vốn NSTW (gồm: NSTW, TPCP)	Vốn khác		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh	Vốn NSTW (gồm: NSTW, TPCP)		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh	Vốn NSTW (gồm: NSTW, TPCP)	Vốn ODA	Vốn khác			Tổng số	Trong đó: Thu hồi các khoản ứng trước	
VII	**LĨNH VỰC CÔNG NGHỆ THÔNG TIN**				**100.000**	**15.000**	**85.000**			**100.000**	**15.000**	**85.000**							**350**		**30.000**	**30.000**		
1	**Các dự án khởi công mới năm 2023**				**100.000**	**15.000**	**85.000**			**100.000**	**15.000**	**85.000**							**350**		**30.000**	**30.000**		
1.1	Xây dựng trung tâm dữ liệu chuyển đổi số tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021-2025	Sở Thông tin và Truyền thông	2022-2025 (chuyển năm 2023 KCM)	14/NQ-HĐND ngày 29/6/2021	100.000	15.000	85.000		3253/QĐ-UBND ngày 17/11/2022	100.000	15.000	85.000							350		30.000	30.000		
VIII	**ĐẦU TƯ CHƯƠNG TRÌNH ATK**				**231.293**	**19.100**	**212.193**			**231.293**	**19.100**	**212.193**							**108.400**	**107.000**	**83.000**	**83.000**		
1	**Các dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2023**				***115.293***	***1.000***	***114.293***			***115.293***	***1.000***	***114.293***							***73.800***	***73.000***	***19.100***	***19.100***		
1.1	Tu bổ, tôn tạo một số di tích lịch sử, văn hóa ATKII tại các xã: Hòa Sơn, Hoàng Vân, Xuân Cẩm và đầu tư xây dựng cơ sở vật chất Trường THCS Hùng Sơn, huyện Hiệp Hòa	UBND huyện Hiệp Hòa	2021-2023	09/NQ-HĐND ngày 09/7/2020	59.954	500	59.454		2190/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	59.954	500	59.454							30.450	30.000	15.500	15.500		
1.2	Xây dựng cơ sở vật chất một số trường Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở thuộc các xã: Thanh Vân, Mai Trung, Quang Minh, Mai Đình, Hoàng Thanh, Hoàng Vân, huyện Hiệp Hòa	UBND huyện Hiệp Hòa	2021-2023	09/NQ-HĐND ngày 09/7/2020	55.339	500	54.839		2191/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	55.339	500	54.839							43.350	43.000	3.600	3.600		
2	**Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2023**				***116.000***	***18.100***	***97.900***			***116.000***	***18.100***	***97.900***							***34.600***	***34.000***	***63.900***	***63.900***		
2.1	Xây dựng phòng học thuộc các xã ATKII: Xuân Cẩm, Mai Trung, Hợp Thịnh, Hương Lâm, Hoàng An, huyện Hiệp Hòa	UBND huyện Hiệp Hòa	2022-2025	14/NQ-HĐND ngày 29/6/2021	62.000	10.000	52.000		2295/QĐ-UBND ngày 12/11/2021	62.000	10.000	52.000							17.300	17.000	35.000	35.000		
2.2	Xây dựng phòng học thuộc các xã ATKII: Thái Sơn, Hoàng Vân, Hương Lâm, Hợp Thịnh, Hùng Sơn, huyện Hiệp Hòa	UBND huyện Hiệp Hòa	2022-2025	14/NQ-HĐND ngày 29/6/2021	54.000	8.100	45.900		2287/QĐ-UBND ngày 11/11/2021	54.000	8.100	45.900							17.300	17.000	28.900	28.900		
B	**NHỮNG DỰ ÁN CẤP THIẾT MANG TÍNH CHẤT KẾT NỐI LIÊN VÙNG VÀ HỖ TRỢ KHÁC TỪ NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG**				**1.452.715**	**352.715**	**1.100.000**			**1.452.715**	**352.715**	**1.100.000**							**920.800**	**800.000**	**300.000**	**300.000**		

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư					Quyết định đầu tư ban đầu				Quyết định đầu tư điều chỉnh cuối cùng						Lũy kế kế hoạch vốn đã bố hết năm 2022		Kế hoạch vốn đầu tư năm 2023			Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh	Vốn NSTW (gồm: NSTW, TPCP)	Vốn khác		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh	Vốn NSTW (gồm: NSTW, TPCP)		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh	Vốn NSTW (gồm: NSTW, TPCP)	Vốn ODA	Vốn khác			Tổng số	Trong đó: Thu hồi các khoản ứng trước	
I	**LĨNH VỰC GIAO THÔNG**				**1.452.715**	**352.715**	**1.100.000**			**1.452.715**	**352.715**	**1.100.000**							**920.800**	**800.000**	**300.000**	**300.000**		
1	**Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2023**				**1.452.715**	**352.715**	**1.100.000**			**1.452.715**	**352.715**	**1.100.000**							**920.800**	**800.000**	**300.000**	**300.000**		
1.1	Đường nối QL37 - QL17 - Võ Nhai (Thái Nguyên), tỉnh Bắc Giang	Ban QLDA ĐTXD các công trình giao thông, nông nghiệp tỉnh	2021-2024	39/NQ-HĐND ngày 09/12/2020	1.452.715	352.715	1.100.000		1065/QĐ-UBND ngày 04/6/2021	1.452.715	352.715	1.100.000							920.800	800.000	300.000	300.000		

Biểu số 3b

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) CHƯƠNG TRÌNH PHỤC HỒI VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2023 TỈNH BẮC GIANG

(Kèm theo Quyết định số 1324/QĐ-UBND ngày 27 tháng 12 năm 2022 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Lũy kế kế hoạch vốn đã bố hết năm 2022		Kế hoạch vốn đầu tư năm 2023	Ghi chú
				Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW				
	TỔNG SỐ				**383.638**	**333.000**	**1.650**		**333.000**	
A	**LĨNH VỰC GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO VÀ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP**				**77.000**	**70.000**	**450**		**70.000**	
(1)	**Các dự án khởi công năm 2023**				**77.000**	**70.000**	**450**		**70.000**	
1	Đầu tư, nâng cấp cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy nghề trọng điểm Trường Cao đẳng nghề Công nghệ Việt – Hàn Bắc Giang	Trường Cao đẳng nghề Công nghệ Việt - Hàn Bắc Giang (nay là Trường Cao đẳng Công nghệ Việt - Hàn Bắc Giang)	2022-2024	3499/QĐ-UBND, 27/12/2022	77.000	70.000	450		70.000	
B	**LĨNH VỰC Y TẾ**				**306.638**	**263.000**	**1.200**		**263.000**	
(1)	**Các dự án khởi công mới năm 2023**				**306.638**	**263.000**	**1.200**		**263.000**	
1	Đầu tư xây dựng mở rộng quy mô giường bệnh Trung tâm y tế huyện Sơn Động	Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh	2022-2025	3294/QĐ-UBND, 28/11/2022	120.638	100.000	500		100.000	
2	Đầu tư xây dựng Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Bắc Giang	Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh	2022-2025	3465/QĐ-UBND, 22/12/2022	186.000	163.000	700		163.000	

Biểu số 3c

KẾ HOẠCH VỐN 3 CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA NĂM 2023 TỈNH BẮC GIANG

(Kèm theo Quyết định số 1324/QĐ-UBND ngày 27 tháng 12 năm 2022 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục	Kế hoạch vốn đã bố trí đến hết năm 2022							Kế hoạch 5 năm giai đoạn 2021-2025							Kế hoạch vốn năm 2023							Ghi chú
		Tổng số	Trong đó:						Tổng số	Trong đó:						Tổng số	Trong đó:						
			Vốn ngân sách trung ương				Vốn ngân sách tỉnh			Vốn ngân sách trung ương				Vốn ngân sách tỉnh			Vốn ngân sách trung ương				Vốn ngân sách tỉnh		
			Đầu tư phát triển		Sự nghiệp					Đầu tư phát triển		Sự nghiệp					Đầu tư phát triển		Sự nghiệp				
			Trong nước	Ngoài nước	Trong nước	Ngoài nước	Đầu tư phát triển	Sự nghiệp		Trong nước	Ngoài nước	Trong nước	Ngoài nước	Đầu tư phát triển	Sự nghiệp		Trong nước	Ngoài nước	Trong nước	Ngoài nước	Đầu tư phát triển	Sự nghiệp	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	16	17	18	19	20	21	22	29	30	31	32	33	34	35	
	TỔNG SỐ	**823.397**	**485.193**		**183.204**		**155.000**		**2.430.343**	**1.885.343**				**545.000**		**1.094.077**	**540.240**		**418.637**		**135.200**		
	Trong đó:																						
I	**CHƯƠNG TRÌNH MTQG GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG**	**146.861**	**89.012**		**52.849**		**5.000**		**324.481**	**279.481**				**45.000**		**266.193**	**126.090**		**120.103**		**20.000**		*Chi tiết phân bổ tại Biểu số 3c.1*
II	**CHƯƠNG TRÌNH MTQG PHÁT TRIỂN KT-XH VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI**	**251.056**	**150.911**		**70.145**		**30.000**		**981.062**	**781.062**				**200.000**		**492.628**	**198.110**		**244.518**		**50.000**		*Chi tiết phân bổ tại Biểu số 3c.2, 3c.2.1 và 3c.2.2*
III	**CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI**	**425.480**	**245.270**		**60.210**		**120.000**		**1.124.800**	**824.800**				**300.000**		**335.256**	**216.040**		**54.016**		**65.200**		*Chi tiết phân bổ tại Biểu số 3c.3, từ 3c.3.1 đến 3c.3.10*

Biểu số 04

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN NƯỚC NGOÀI) NĂM 2023 TỈNH BẮC GIANG

(Kèm theo Quyết định số 1324/QĐ-UBND ngày 27 tháng 12 năm 2022 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư ban đầu							Kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025								Kế hoạch vốn đầu tư năm 2023				Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư						Giai đoạn 2021-2025				Trong đó: Đã giao các năm 2021, 2022								
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:					Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Trong đó:			
						Vốn đối ứng		Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)				Vốn cân đối ngân sách tỉnh đối ứng	Vốn ODA cấp phát từ ngân sách Trung ương	Vốn ODA do tỉnh vay lại từ nguồn Chính phủ vay ngoài nước		Vốn cân đối ngân sách tỉnh đối ứng	Vốn ODA cấp phát từ ngân sách Trung ương	Vốn ODA do tỉnh vay lại từ nguồn Chính phủ vay ngoài nước		Vốn cân đối ngân sách tỉnh đối ứng	Vốn ODA cấp phát từ ngân sách Trung ương (*)	Vốn ODA do tỉnh vay lại từ nguồn Chính phủ vay ngoài nước	
						Tổng số	Vốn ngân sách tỉnh	Quy đổi ra tiền việt															
								Tổng số	Trong đó														
									Vay lại	Đưa vào cân đối NSTW													
	TỔNG SỐ				**1.325.621**	**259.435**	**95.352**	**1.066.187**	**30.332**	**1.035.855**	**430.132**	**11.635**	**377.897**	**40.600**	**294.745**	**8.035**	**199.434**	**87.276**	**232.236**		**166.336**	**65.900**	
I	**NÔNG, LÂM NGHIỆP, THỦY SẢN VÀ PTNT**				**277.269**	**67.189**	**67.189**	**210.080**	**16.807**	**193.273**	**54.897**	**4.135**	**46.372**	**4.390**	**32.819**	**535**	**29.757**	**2.527**	**5.049**		**4.488**	**561**	
1	**Các dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2023**				**277.269**	**67.189**	**67.189**	**210.080**	**16.807**	**193.273**	**54.897**	**4.135**	**46.372**	**4.390**	**32.819**	**535**	**29.757**	**2.527**	**5.049**		**4.488**	**561**	
1.1	Chương trình Mở rộng Quy mô vệ sinh và Nước sạch nông thôn dựa trên kết quả	Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn	2016-2022	3606/QĐ-BNN-HTQT, 04/9/2015; 3102/QĐ-BNN-HTQT ngày 21/7/2016	277.269	67.189	67.189	210.080	16.807	193.273	54.897	4.135	46.372	4.390	32.819	535	29.757	2.527	5.049		4.488	561	Chi tiết KH năm 2023 cho các tiểu dự án tại Biểu số 04a
II	**CÔNG CỘNG ĐÔ THỊ - TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**				**1.048.352**	**192.246**	**28.163**	**856.107**	**13.525**	**842.582**	**375.235**	**7.500**	**331.525**	**36.210**	**261.926**	**7.500**	**169.677**	**84.749**	**227.187**		**161.848**	**65.339**	
1	**Các dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2023**				**160.910**	**25.663**	**25.663**	**135.248**	**13.525**	**121.723**	**80.230**	**7.500**	**67.230**	**5.500**	**51.341**	**7.500**	**40.274**	**3.567**	**30.781**		**26.956**	**3.825**	

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư ban đầu						Kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025							Kế hoạch vốn đầu tư năm 2023				Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư					Giai đoạn 2021-2025				Trong đó: Đã giao các năm 2021, 2022							
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:				Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Trong đó:		
						Vốn đối ứng		Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)			Vốn cân đối ngân sách tỉnh đối ứng	Vốn ODA cấp phát từ ngân sách Trung ương	Vốn ODA do tỉnh vay lại từ nguồn Chính phủ vay ngoài nước		Vốn cân đối ngân sách tỉnh đối ứng	Vốn ODA cấp phát từ ngân sách Trung ương	Vốn ODA do tỉnh vay lại từ nguồn Chính phủ vay ngoài nước		Vốn cân đối ngân sách tỉnh đối ứng	Vốn ODA cấp phát từ ngân sách Trung ương (*)	Vốn ODA do tỉnh vay lại từ nguồn Chính phủ vay ngoài nước	
						Tổng số	Vốn ngân sách tỉnh	Quy đổi ra tiền việt													
								Tổng số	Trong đó												
									Vay lại	Đưa vào cân đối NSTW											
1.1	Tăng cường quản lý đất đai và xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai tại địa bàn tỉnh Bắc Giang, vay vốn ngân hàng Thế giới	Sở Tài nguyên và Môi trường	2019-2022	1426/QĐ-UBND, 08/9/2016; 208/BTNMT-KH; '431/QĐ-UBND ngày 02/7/2019; 969/QĐ-UBND ngày 16/12/2019; 356/QĐ-UBND ngày 10/3/2022	160.910	25.663	25.663	135.248	13.525	121.723	80.230	7.500	67.230	5.500	51.341	7.500	40.274	3.567	30.781		26.956	3.825	
2	**Các dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2023**				**887.442**	**166.583**	**2.500**	**720.859**		**720.859**	**295.005**		**264.295**	**30.710**	**210.585**		**129.403**	**81.182**	**196.406**		**134.892**	**61.514**	
2.1	Phát triển các đô thị dọc hành lang tiểu vùng sông Mê Kông (GMS) lần 2, vay vốn ADB - Dự án thành phần tỉnh Bắc Giang	UBND TP Bắc Giang	2016-2022 (đóng khoản vay vào 2023)	1709/QĐ-UBND, 16/9/2015; 476/QĐ-UBND, 31/3/2016; 1111/QĐ-UBND, 24/7/2018; 330/QĐ-UBND, 04/3/2019; 1049/QĐ-UBND, 02/7/2019; 1052/QĐ-UBND, 02/6/2021; 1904/QĐ-UBND, 16/9/2021; 2443/QĐ-UBND, 29/11/2021	887.442	166.583	2.500	720.859		720.859	295.005		264.295	30.710	210.585		129.403	81.182	196.406		134.892	61.514	Vốn ODA vay lại bổ sung năm 2022 là 28,231 tỷ đồng

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư ban đầu							Kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025							Kế hoạch vốn đầu tư năm 2023				Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư						Giai đoạn 2021-2025				Trong đó: Đã giao các năm 2021, 2022				Kế hoạch vốn đầu tư năm 2023				
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:					Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Trong đó:			
						Vốn đối ứng		Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)				Vốn cân đối ngân sách tỉnh đối ứng	Vốn ODA cấp phát từ ngân sách Trung ương	Vốn ODA do tỉnh vay lại từ nguồn Chính phủ vay ngoài nước		Vốn cân đối ngân sách tỉnh đối ứng	Vốn ODA cấp phát từ ngân sách Trung ương	Vốn ODA do tỉnh vay lại từ nguồn Chính phủ vay ngoài nước		Vốn cân đối ngân sách tỉnh đối ứng	Vốn ODA cấp phát từ ngân sách Trung ương (*)	Vốn ODA do tỉnh vay lại từ nguồn Chính phủ vay ngoài nước	
						Tổng số	Vốn ngân sách tỉnh	Quy đổi ra tiền việt															
								Tổng số	Trong đó														
									Vay lại	Đưa vào cân đối NSTW													

Ghi chú: Tổng kế hoạch vốn ngân sách trung ương (vốn nước ngoài ODA) cấp phát cho tỉnh Bắc Giang năm 2023 là **205,126 tỷ đồng;** song do ODA được bổ sung năm 2022 tại QĐ 1198/QĐ-UBND ngày 12/10/2022 là **43,278 tỷ đồng của 02 chương trình dự án; do đó chỉ sử dụng hết 4,488 tỷ đồng,** do đó số còn lại chưa phân bổ chi tiết (hoàn trả Trung ương) là **38,790 tỷ đồng.**

Biểu số 04a

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN NƯỚC NGOÀI) NĂM 2023 TỈNH BẮC GIANG
CHI TIẾT CHƯƠNG TRÌNH MỞ RỘNG QUY MÔ VỆ SINH VÀ NƯỚC SẠCH NÔNG THÔN DỰA TRÊN KẾT QUẢ

(Kèm theo Quyết định số 1324/QĐ-UBND ngày 27 tháng 12 năm 2022 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Thời gian thực hiện	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc quyết định đầu tư điều chỉnh đã được Thủ tướng Chính phủ giao kế hoạch các năm								Kế hoạch vốn đầu tư năm 2023		
				Số quyết định	Tổng mức đầu tư							Tổng số	Trong đó:	
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	*Trong đó:*							Cấp phát từ NSTW	Vay lại
						Vốn đối ứng		Vốn nước ngoài						
						Tổng số	Trong đó: NSTW	Tính bằng ngoại tệ	Quy đổi ra tiền Việt					
									Tổng số	Trong đó: Cấp phát từ NSTW	Vay lại			
	Tổng số				**68.751**	**8.100**	**-**	**-**	**60.651**	**53.912**	**6.739**	**5.049**	**4.488**	**561**
1	Chương trình Mở rộng Quy mô vệ sinh và Nước sạch nông thôn dựa trên kết quả		2016-2023	3606/QĐ-BNN, 04/9/2015; 3102/QĐ-BNN-HTQT 21/7/2016	277.269	67.189		9.097.000 USD	210.080	193.273	16.713	5.049	4.488	561
1.1	Hệ thống cấp nước sinh hoạt tập trung liên xã Phượng Sơn và Quý Sơn, huyện Lục Ngạn	Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn		1304/QĐ-UBND, 07/8/2019; 2975/ QĐ-UBND, 28/9/2022; CV 3875/UBND-KTN, 11/8/2022	24.800	3.182			21.618	19.216	2.402	1.809	1.608	201
1.2	Hệ thống cấp nước sinh hoạt tập trung liên xã Tam Tiến và Đồng Vương, huyện Yên Thế			1879/QĐ-UBND, 13/11/2019; CV 3875/UBND-KTN, 11/8/2022; 3381/QĐ-UBND, 08/12/2022	20.951	2.618			18.333	16.296	2.037	2.790	2.480	310
1.3	Hệ thống cấp nước sinh hoạt tập trung liên xã Đông Hưng và Đông Phú, huyện Lục Nam			343/QĐ-UBND, 06/3/2019	23.000	2.300			20.700	18.400	2.300	450	400	50

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số 1324/QĐ-UBND ngày 27 tháng 12 năm 2022 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

CHỦ ĐẦU TƯ: BAN QLDA ĐTXD CÔNG TRÌNH DÂN DỤNG VÀ CÔNG NGHIỆP TỈNH

Đơn vị: Triệu đồng

STT	DANH MỤC ĐẦU TƯ	Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023				
		Tổng số	*Trong đó:*			
			Vốn cân đối ngân sách tỉnh	Vốn xổ số kiến thiết	Vốn từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Vốn ngân sách Trung ương
	Tổng số	**952.900**	**162.000**	**25.000**	**278.000**	**487.900**
*	***Dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2023***	***352.900***	***80.000***		***48.000***	***224.900***
1	Đầu tư xây dựng mở rộng quy mô giường bệnh Bệnh viện Ung bướu	65.000	30.000		35.000	
2	Đầu tư xây dựng mở rộng quy mô giường bệnh Trung tâm y tế huyện Việt Yên	13.000			13.000	
3	Đầu tư xây dựng mở rộng quy mô giường bệnh Trung tâm y tế huyện Lục Ngạn	62.300				62.300
4	Đầu tư xây dựng mở rộng quy mô giường bệnh Trung tâm y tế huyện Yên Dũng	66.600				66.600
5	Xây dựng mở rộng quy mô giường bệnh Trung tâm y tế huyện Yên Thế	96.000				96.000
6	Xây dựng cơ sở vật chất một số trường THPT, DTNT trên địa bàn huyện Lục Ngạn, Lục Nam, Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang	50.000	50.000			
*	***Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2023***	***130.000***	***25.000***	***25.000***	***80.000***	
1	Đầu tư Xây dựng Trung tâm Văn hóa - Triển lãm tỉnh Bắc Giang	50.000			50.000	
2	Đầu tư xây dựng mở rộng quy mô giường bệnh Trung tâm y tế huyện Lục Nam	80.000	25.000	25.000	30.000	
*	***Dự án khởi công mới năm 2023***	***470.000***	***57.000***		***150.000***	***263.000***
1	Đầu tư xây dựng cơ sở vật chất một số trường THPT, trung tâm GDNN-GDTX trên địa bàn huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang	17.000	17.000			
2	Xây dựng cơ sở vật chất một số trường THPT, trung tâm GDNN-GDTX trên địa bàn huyện Lạng Giang, huyện Yên Thế	40.000	40.000			
3	Xây dựng Tòa nhà Liên cơ quan mới tỉnh Bắc Giang	150.000			150.000	
4	Đầu tư xây dựng mở rộng quy mô giường bệnh Trung tâm y tế huyện Sơn Động	100.000				100.000
5	Đầu tư xây dựng Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Bắc Giang	163.000				163.000

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số 1324/QĐ-UBND ngày 27 tháng 12 năm 2022 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

CHỦ ĐẦU TƯ: BAN QLDA ĐTXD CÁC CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG, NÔNG NGHIỆP TỈNH

Đơn vị: Triệu đồng

STT	DANH MỤC ĐẦU TƯ	Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023			
		Tổng số	Trong đó:		
			Vốn cân đối ngân sách tỉnh	Vốn từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Vốn ngân sách Trung ương
	Tổng số	**1.733.004**	**168.800**	**639.559**	**924.645**
*	***Dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2023***	***591.600***	***14.800***	***94.000***	***482.800***
1	Đường nối QL37 - QL17 - Võ Nhai (Thái Nguyên), tỉnh Bắc Giang	314.800	14.800		300.000
2	Đường nối từ QL37-QL17-ĐT292 (đoạn Việt Yên, Tân Yên, Lạng Giang), tỉnh Bắc Giang	30.000		30.000	
3	Xây dựng cầu Như Nguyệt, tỉnh Bắc Giang	50.000		50.000	
4	Cải tạo, nâng cấp ĐT292 (đoạn từ cầu Bố Hạ đến thị trấn Phồn Xương) huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang.	23.300			23.300
5	Xây dựng đường và cầu kết nối huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang với thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên (đoạn từ QL37 đến cầu Hòa Sơn)	109.600			109.600
6	Cải tạo, nâng cấp ĐT298 (đoạn từ Đình Nẻo đi Việt Yên)	49.900			49.900
7	Cải tạo, nâng cấp trạm bơm Khám Lạng	6.000		6.000	
8	Xây dựng Trạm bơm Ngòi Mân, xã Yên Sơn, huyện Lục Nam	8.000		8.000	
*	***Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2023***	***1.101.404***	***154.000***	***505.559***	***441.845***
1	Nâng cấp, mở rộng đường nối từ ĐT293 đến QL17, tỉnh Bắc Giang	250.000		250.000	
2	Nút giao liên thông tại thị trấn Vôi với cao tốc Bắc Giang - Lạng Sơn, tỉnh Bắc Giang	79.000	79.000		
3	Xây dựng cầu Đồng Việt và đường dẫn lên cầu, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang	150.000		150.000	
4	Xây dựng cầu và đường dẫn nối cảng Mỹ An - QL31 - QL1 và tuyến nhánh hồ Suối Nứa - Khuôn Thần trên địa bàn huyện Lục Nam và Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang	441.845			441.845
5	Xây dựng mới trạm bơm cống Chản	180.559	75.000	105.559	
*	***Dự án khởi công mới năm 2023***	***40.000***		***40.000***	
1	Đầu tư tuyến đường kết nối từ ĐT295 đến QL37, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang	40.000		40.000	

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số 1324/QĐ-UBND ngày 27 tháng 12 năm 2022 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

CHỦ ĐẦU TƯ: SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Đơn vị: Triệu đồng

STT	DANH MỤC ĐẦU TƯ	Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023			
		Tổng số	Trong đó:		
			Vốn cân đối ngân sách tỉnh	Vốn ODA do tỉnh vay lại từ nguồn Chính phủ vay ngoài nước	Vốn ODA cấp phát từ ngân sách Trung ương
	Tổng số	**45.781**	**15.000**	**3.825**	**26.956**
*	***Dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2023***	***45.781***	***15.000***	***3.825***	***26.956***
1	Nâng cao năng lực quan trắc môi trường tự động trên địa bàn tỉnh Bắc Giang	15.000	15.000		
2	Tăng cường quản lý đất đai và xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai tại địa bàn tỉnh Bắc Giang, vay vốn ngân hàng Thế giới	30.781		3.825	26.956

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số 1324/QĐ-UBND ngày 27 tháng 12 năm 2022 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

CHỦ ĐẦU TƯ: CHI CỤC PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Đơn vị: Triệu đồng

STT	DANH MỤC ĐẦU TƯ	Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023 (Vốn ngân sách Trung ương)	
		Tổng	***Trong đó: Thu hồi vốn ngân sách Trung ương đã ứng trước***
	Tổng số	**199.055**	**199.055**
*	***Thu hồi khoản ứng trước trong giai đoạn 2016-2020 chưa thu hồi***	***199.055***	***199.055***
1	Dự án Di dân tái định cư Trường bắn Quốc gia khu vực 1 tỉnh Bắc Giang	199.055	199.055

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số 1324/QĐ-UBND ngày 27 tháng 12 năm 2022 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

CHỦ ĐẦU TƯ: CHI CỤC KIỂM LÂM TỈNH

Đơn vị: Triệu đồng

STT	DANH MỤC ĐẦU TƯ	Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023 (Vốn ngân sách Trung ương)
	Tổng số	**10.000**
*	***Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2023***	***10.000***
1	Dự án nâng cao năng lực phòng cháy, chữa cháy rừng; bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Bắc Giang.	10.000

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số 1324/QĐ-UBND ngày 27 tháng 12 năm 2022 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

CHỦ ĐẦU TƯ: BỘ CHỈ HUY QUÂN SỰ TỈNH

Đơn vị: Triệu đồng

STT	DANH MỤC ĐẦU TƯ	Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023		
		Tổng số	Trong đó:	
			Vốn cân đối ngân sách tỉnh	Vốn từ nguồn thu tiền sử dụng đất
	Tổng số	**42.750**	**22.750**	**20.000**
*	***Dự án chuyển tiếp***	***20.000***		***20.000***
1	XD HTU CAT	20.000		20.000
*	***Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2023***	***22.750***	***22.750***	
1	Xây dựng Kho VKĐ (Đại đội 29)/Bộ CHQS tỉnh Bắc Giang	22.750	22.750	

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số 1324/QĐ-UBND ngày 27 tháng 12 năm 2022 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

CHỦ ĐẦU TƯ: SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Đơn vị: Triệu đồng

STT	DANH MỤC ĐẦU TƯ	Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023 (Vốn cân đối ngân sách tỉnh)
	Tổng số	**16.000**
*	***Dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2023***	***16.000***
1	Nâng cao năng lực Trung tâm ứng dụng khoa học và Công nghệ tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021-2023	16.000

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số 1324/QĐ-UBND ngày 27 tháng 12 năm 2022 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

CHỦ ĐẦU TƯ: SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

Đơn vị: Triệu đồng

STT	DANH MỤC ĐẦU TƯ	Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023 (Vốn ngân sách Trung ương)
	Tổng số	**30.000**
*	***Dự án khởi công mới năm 2023***	***30.000***
1	Xây dựng trung tâm dữ liệu chuyển đổi số tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021-2025	30.000

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số 1324/QĐ-UBND ngày 27 tháng 12 năm 2022 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

CHỦ ĐẦU TƯ: SỞ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH

Đơn vị: Triệu đồng

STT	DANH MỤC ĐẦU TƯ	Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023 (Vốn ngân sách Trung ương)
	Tổng số	**23.000**
*	***Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2023***	***23.000***
1	Bảo tồn, tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị di tích lịch sử quốc gia đặc biệt Những địa điểm khởi nghĩa Yên Thế tại tỉnh Bắc Giang	23.000

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số 1324/QĐ-UBND ngày 27 tháng 12 năm 2022 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

CHỦ ĐẦU TƯ: ĐÀI PHÁT THANH VÀ TRUYỀN HÌNH TỈNH

Đơn vị: Triệu đồng

STT	DANH MỤC ĐẦU TƯ	Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023 (Vốn từ nguồn thu tiền sử dụng đất)
	Tổng số	**15.000**
*	***Dự án khởi công mới năm 2023***	***15.000***
1	Đầu tư hệ thống trang thiết bị kỹ thuật công nghệ cao phục vụ chuyển đổi số của Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh Bắc Giang	15.000

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số 1324/QĐ-UBND ngày 27 tháng 12 năm 2022 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

CHỦ ĐẦU TƯ: TỈNH ĐOÀN BẮC GIANG

Đơn vị: Triệu đồng

STT	DANH MỤC ĐẦU TƯ	Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023 (Vốn cân đối ngân sách tỉnh)
	Tổng số	**5.000**
*	***Dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2023***	***5.000***
1	Đầu tư xây dựng cải tạo Nhà văn hóa Thiếu nhi tỉnh Bắc Giang	5.000

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số 1324/QĐ-UBND ngày 27 tháng 12 năm 2022 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

CHỦ ĐẦU TƯ: TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHỆ VIỆT - HÀN BẮC GIANG

Đơn vị: Triệu đồng

STT	DANH MỤC ĐẦU TƯ	Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023 (Vốn ngân sách Trung ương)
	Tổng số	**110.000**
*	***Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2023***	***40.000***
1	Xây dựng khu giảng đường phục vụ học lý thuyết và chương trình giáo dục thường xuyên; Nhà ký túc xá số 2 Trường Cao đẳng nghề Công nghệ Việt - Hàn	40.000
*	***Dự án khởi công mới năm 2023***	***70.000***
1	Đầu tư, nâng cấp cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy nghề trọng điểm Trường Cao đẳng nghề Công nghệ Việt – Hàn Bắc Giang	70.000

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số 1324/QĐ-UBND ngày 27 tháng 12 năm 2022 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

CHỦ ĐẦU TƯ: CÔNG TY CP PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KHU CÔNG NGHIỆP BẮC GIANG

Đơn vị: Triệu đồng

STT	DANH MỤC ĐẦU TƯ	Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023 (Vốn ngân sách Trung ương)
	Tổng số	**29.200**
*	***Dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2023***	***29.200***
1	Xây dựng hệ thống xử lý nước thải KCN Song Khê - Nội Hoàng (phía Bắc) giai đoạn 2	29.200

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số 1324/QĐ-UBND ngày 27 tháng 12 năm 2022 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

CHỦ ĐẦU TƯ: CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI NAM SÔNG THƯƠNG

Đơn vị: Triệu đồng

STT	DANH MỤC ĐẦU TƯ	Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023 (Vốn từ nguồn thu tiền sử dụng đất)
	Tổng số	**8.400**
*	***Dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2023***	***8.400***
1	Quản lý an toàn đập, hồ chứa nước, gồm các hồ: Đá Ong, Cầu Rễ, Suối Cấy; đập Thác Huống, Đá Gân và đập Sông Sỏi	8.400

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số 1324/QĐ-UBND ngày 27 tháng 12 năm 2022 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

CHỦ ĐẦU TƯ: CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI BẮC SÔNG THƯƠNG

Đơn vị: Triệu đồng

STT	DANH MỤC ĐẦU TƯ	Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023 (Vốn từ nguồn thu tiền sử dụng đất)
	Tổng số	**10.000**
*	***Dự án khởi công mới năm 2023***	***10.000***
1	Quản lý an toàn đập, hồ chứa nước, gồm các hồ: Cấm Sơn, Khuôn Thần, Suối Nứa; đập dâng Cầu Sơn	10.000

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số 1324/QĐ-UBND ngày 27 tháng 12 năm 2022 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

CHỦ ĐẦU TƯ: TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN

Đơn vị: Triệu đồng

STT	DANH MỤC ĐẦU TƯ	Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023		
		Tổng số	Trong đó:	
			Vốn ODA do tỉnh vay lại từ nguồn Chính phủ vay ngoài nước	Vốn ODA cấp phát từ ngân sách Trung ương
	Tổng số	**5.049**	**561**	**4.488**
*	***Dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2023***	***5.049***	***561***	***4.488***
1	Chương trình Mở rộng Quy mô vệ sinh và Nước sạch nông thôn dựa trên kết quả	5.049	561	4.488
1.1	Hệ thống cấp nước sinh hoạt tập trung liên xã Phượng Sơn và Quý Sơn, huyện Lục Ngạn	1.809	201	1.608
1.2	Hệ thống cấp nước sinh hoạt tập trung liên xã Tam Tiến và Đồng Vương, huyện Yên Thế	2.790	310	2.480
1.3	Hệ thống cấp nước sinh hoạt tập trung liên xã Đông Hưng và Đông Phú, huyện Lục Nam	450	50	400

KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số 1324/QĐ-UBND ngày 27 tháng 12 năm 2022 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

GIAO UBND THÀNH PHỐ BẮC GIANG

Đơn vị: Triệu đồng

STT	DANH MỤC ĐẦU TƯ	Chủ đầu tư	Quyết định chủ trương đầu tư			Quyết định đầu tư						Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023[2]				
			Số quyết định, ngày, tháng ban hành	Tổng mức đầu tư (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh	Số quyết định, ngày, tháng ban hành	Tổng mức đầu tư (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh	Vốn ngân sách TP Bắc Giang	Vốn ngân sách Trung ương	Vốn ODA	Tổng số	Trong đó:			
													Vốn cân đối ngân sách tỉnh	Vốn từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Vốn ODA cấp phát từ ngân sách Trung ương	Vốn ODA do địa phương vay lại
	Tổng số						**887.442**	**2.500**	**39.883**	**124.200**	**720.859**	**2.004.306**	**5.900**	**1.802.000**	**134.892**	**61.514**
I	**Các dự án do cấp tỉnh quản lý**						**887.442**	**2.500**	**39.883**	**124.200**	**720.859**	**196.406**			**134.892**	**61.514**
*	***Dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2023***						***887.442***	***2.500***	***39.883***	***124.200***	***720.859***	***196.406***			***134.892***	***61.514***
1	Phát triển các đô thị dọc hành lang tiểu vùng sông Mê Kông (GMS) lần 2, vay vốn ADB - Dự án thành phần tỉnh Bắc Giang	UBND thành phố Bắc Giang				1709/QĐ-UBND, 16/9/2015; 476/QĐ-UBND, 31/3/2016; 1111/QĐ-UBND, 24/7/2018; 330/QĐ-UBND, 04/3/2019; 1049/QĐ-UBND, 02/7/2019; 1052/QĐ-UBND, 02/6/2021; 1904/QĐ-UBND, 16/9/2021; 2443/QĐ-UBND, 29/11/2021	887.442	2.500	39.883	124.200	720.859	196.406			134.892	61.514
II	**Hỗ trợ ngân sách huyện, thành phố đầu tư theo Nghị quyết số 36/2020/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của HĐND tỉnh**											**5.900**	**5.900**			
III	**Hỗ trợ đầu tư cơ sở làm việc công an xã chính quy giai đoạn 2021-2025**											**2.000**		**2.000**		
IV	**Vốn đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất[1]**											**1.800.000**		**1.800.000**		

Ghi chú: (1) Số thu tiền sử dụng đất điều tiết ngân sách các cấp được thực hiện theo Nghị quyết số 47/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh.

(2) Các huyện, thành phố phân bổ chi tiết nguồn vốn đầu tư công hỗ trợ năm 2023 cho các dự án đủ điều kiện, thủ tục theo quy định của Luật Đầu tư công.

KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số 1324/QĐ-UBND ngày 27 tháng 12 năm 2022 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

GIAO UBND HUYỆN SƠN ĐỘNG

Đơn vị: Triệu đồng

STT	DANH MỤC ĐẦU TƯ	Chủ đầu tư	Quyết định chủ trương đầu tư			Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023[(2)]		
			Số quyết định, ngày, tháng ban hành	Tổng mức đầu tư (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh	Số quyết định, ngày, tháng ban hành	Tổng mức đầu tư (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh	Tổng số	Trong đó:	
										Vốn cân đối ngân sách tỉnh	Vốn từ nguồn thu tiền sử dụng đất
	Tổng số			**169.519**	**150.671**		**169.420**	**150.671**	**121.800**	**13.800**	**108.000**
I	**Các dự án cấp tỉnh quản lý**			**74.671**	**74.671**		**74.671**	**74.671**	**32.000**		**32.000**
*****	***Dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2023***			***74.671***	***74.671***		***74.671***	***74.671***	***32.000***		***32.000***
1	Cải tạo, nâng cấp hệ thống đường trục chính thị trấn An Châu, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang	UBND huyện Sơn Động	1124/QĐ-UBND, 07/12/2020	74.671	74.671	1262/QĐ-UBND, 24/6/2021	74.671	74.671	32.000		32.000
II	**Hỗ trợ ngân sách huyện đầu tư các dự án**			**94.848**	**76.000**		**94.749**	**76.000**	**26.000**		**26.000**
*****	***Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2023***			***94.848***	***76.000***		***94.749***	***76.000***	***26.000***		***26.000***
1	Đường từ QL31 vào khu du lịch sinh thái Khe Rỗ, xã An Lạc, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang	UBND huyện Sơn Động	20/NQ-HĐND, 12/8/2021	94.848	76.000	5122/QĐ-UBND, 05/11/2021	94.749	76.000	26.000		26.000
III	**Hỗ trợ ngân sách huyện, thành phố đầu tư theo Nghị quyết số 36/2020/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của HĐND tỉnh**								**13.800**	**13.800**	
IV	**Hỗ trợ đầu tư cơ sở làm việc công an xã chính quy giai đoạn 2021-2025 (Theo Đề án ban hành kèm theo Quyết định số 1233/QĐ-UBND ngày 21/6/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh)**								**5.000**		**5.000**

STT	DANH MỤC ĐẦU TƯ	Chủ đầu tư	Quyết định chủ trương đầu tư			Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023[(2)]		
			Số quyết định, ngày, tháng ban hành	Tổng mức đầu tư (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh	Số quyết định, ngày, tháng ban hành	Tổng mức đầu tư (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh	Tổng số	Trong đó:	
										Vốn cân đối ngân sách tỉnh	Vốn từ nguồn thu tiền sử dụng đất
V	**Hỗ trợ đầu tư xây dựng công trình ngầm, cầu dân sinh trên địa bàn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Bắc Giang, giai đoạn 2022-2024 (Theo Kế hoạch số 511/KH-UBND ngày 15/10/2021 của UBND tỉnh)**								**25.000**		**25.000**
*****	***Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2023***								***25.000***		***25.000***
1	Đầu tư xây dựng công trình ngầm dân sinh trên địa bàn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi huyện Sơn Động, giai đoạn 2022-2024	Ban QLDA ĐTXD huyện Sơn Động	615/QĐ-UBND, 05/11/2021	79.930	72.000	448/QĐ-UBND, 14/02/2022	79.703	72.000	25.000		25.000
VI	**Vốn đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất[(1)]**								**20.000**		**20.000**

Ghi chú: (1) Số thu tiền sử dụng đất điều tiết ngân sách các cấp được thực hiện theo Nghị quyết số 47/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh.

(2) Các huyện, thành phố phân bổ chi tiết nguồn vốn đầu tư công hỗ trợ năm 2023 cho các dự án đủ điều kiện, thủ tục theo quy định của Luật Đầu tư công.

KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số 1324/QĐ-UBND ngày 27 tháng 12 năm 2022 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

GIAO UBND HUYỆN LỤC NGẠN

Đơn vị: Triệu đồng

STT	DANH MỤC ĐẦU TƯ	Chủ đầu tư	Quyết định chủ trương đầu tư				Quyết định đầu tư				Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023[2]			
			Số quyết định, ngày, tháng ban hành	Tổng mức đầu tư (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh	Vốn ngân sách Trung ương	Số quyết định, ngày, tháng ban hành	Tổng mức đầu tư (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh	Vốn ngân sách Trung ương	Tổng số	Trong đó:		
												Vốn cân đối ngân sách tỉnh	Vốn từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Vốn ngân sách Trung ương
	Tổng số			**148.800**	**400**	**107.000**		**148.800**	**400**	**107.000**	**267.300**	**16.300**	**214.000**	**37.000**
I	**Các dự án do cấp tỉnh quản lý**			**148.800**	**400**	**107.000**		**148.800**	**400**	**107.000**	**37.000**			**37.000**
*****	***Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2023***			***148.800***	***400***	***107.000***		***148.800***	***400***	***107.000***	***37.000***			***37.000***
1	Xây dựng, cải tạo hạ tầng thiết yếu vùng trồng cây ăn quả tập trung có giá trị kinh tế cao huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang	UBND huyện Lục Ngạn	03/NQ-HĐND, 29/3/2021	148.800	400	107.000	1193/QĐ-UBND, 18/6/2021	148.800	400	107.000	37.000			37.000
II	**Hỗ trợ ngân sách huyện, thành phố đầu tư theo Nghị quyết số 36/2020/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của HĐND tỉnh**										**16.300**	**16.300**		
III	**Hỗ trợ đầu tư cơ sở làm việc công an xã chính quy giai đoạn 2021-2025 (Theo Đề án ban hành kèm theo Quyết định số 1233/QĐ-UBND ngày 21/6/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh)**										**4.000**		**4.000**	
IV	**Hỗ trợ đầu tư xây dựng công trình ngầm, cầu dân sinh trên địa bàn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Bắc Giang, giai đoạn 2022-2024 (Theo Kế hoạch số 511/KH-UBND ngày 15/10/2021 của UBND tỉnh)**										**10.000**		**10.000**	
*****	***Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2023***										***10.000***		***10.000***	
1	Đầu tư xây dựng công trình ngầm, cầu dân sinh trên địa bàn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi huyện Lục Ngạn	Ban QLDA ĐTXD huyện Lục Ngạn	2073/QĐ-UBND, 05/11/2021	29.400	25.000		408/QĐ-UBND, 28/01/2022	22.955			10.000		10.000	
V	**Vốn đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất[1]**										**200.000**		**200.000**	

Ghi chú: (1) Số thu tiền sử dụng đất điều tiết ngân sách các cấp được thực hiện theo Nghị quyết số 47/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh.

(2) Các huyện, thành phố phân bổ chi tiết nguồn vốn đầu tư công hỗ trợ năm 2023 cho các dự án đủ điều kiện, thủ tục theo quy định của Luật Đầu tư công.

KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số 1324/QĐ-UBND ngày 27 tháng 12 năm 2022 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

GIAO UBND HUYỆN LỤC NAM

Đơn vị: Triệu đồng

STT	DANH MỤC ĐẦU TƯ	Chủ đầu tư	Quyết định chủ trương đầu tư			Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023[(2)]		
			Số quyết định, ngày, tháng ban hành	Tổng mức đầu tư (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh	Số quyết định, ngày, tháng ban hành	Tổng mức đầu tư (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh	Tổng số	Trong đó:	
										Vốn cân đối ngân sách tỉnh	Vốn từ nguồn thu tiền sử dụng đất
	Tổng số			**220.300**	**110.000**		**220.300**	**110.000**	**474.600**	**12.600**	**462.000**
I	**Hỗ trợ ngân sách huyện đầu tư các dự án**			**220.300**	**110.000**		**220.300**	**110.000**	**40.000**		**40.000**
*	***Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2023***			***220.300***	***110.000***		***220.300***	***110.000***	***40.000***		***40.000***
1	Xây dựng tuyến đường nối từ QL37 đi QL31 (đoạn từ cầu Sen đi cầu Già Khê), thị trấn Đồi Ngô, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang	Ban QLDA ĐTXD huyện Lục Nam	66/NQ-HĐND, 06/8/2021	220.300	110.000	14838/QĐ-UBND, 05/11/2021	220.300	110.000	40.000		40.000
II	**Hỗ trợ ngân sách huyện, thành phố đầu tư theo Nghị quyết số 36/2020/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của HĐND tỉnh**								**12.600**	**12.600**	
III	**Hỗ trợ đầu tư cơ sở làm việc công an xã chính quy giai đoạn 2021-2025 (Theo Đề án ban hành kèm theo Quyết định số 1233/QĐ-UBND ngày 21/6/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh)**								**7.000**		**7.000**
IV	**Hỗ trợ đầu tư xây dựng công trình ngầm, cầu dân sinh trên địa bàn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Bắc Giang, giai đoạn 2022-2024 (Theo Kế hoạch số 511/KH-UBND ngày 15/10/2021 của UBND tỉnh)**								**15.000**		**15.000**
*	***Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2023***								***15.000***		***15.000***
1	Đầu tư xây dựng công trình ngầm, cầu dân sinh trên địa bàn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi huyện Lục Nam, giai đoạn 2022-2024	Ban QLDA ĐTXD huyện Lục Nam	2706/QĐ-UBND, 03/11/2021	48.200	41.000	1464/QĐ-UBND, 04/3/2022	46.302	41.000	15.000		15.000

STT	DANH MỤC ĐẦU TƯ	Chủ đầu tư	Quyết định chủ trương đầu tư			Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023[2]		
			Số quyết định, ngày, tháng ban hành	Tổng mức đầu tư (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh	Số quyết định, ngày, tháng ban hành	Tổng mức đầu tư (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh	Tổng số	Trong đó:	
										Vốn cân đối ngân sách tỉnh	Vốn từ nguồn thu tiền sử dụng đất
V	**Vốn đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất[1]**								**400.000**		**400.000**

Ghi chú: (1) Số thu tiền sử dụng đất điều tiết ngân sách các cấp được thực hiện theo Nghị quyết số 47/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh.

(2) Các huyện, thành phố phân bổ chi tiết nguồn vốn đầu tư công hỗ trợ năm 2023 cho các dự án đủ điều kiện, thủ tục theo quy định của Luật Đầu tư công.

KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số 1324/QĐ-UBND ngày 27 tháng 12 năm 2022 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

GIAO UBND HUYỆN YÊN THẾ

Đơn vị: Triệu đồng

STT	DANH MỤC ĐẦU TƯ	Chủ đầu tư	Quyết định chủ trương đầu tư			Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023[(2)]		
			Số quyết định, ngày, tháng ban hành	Tổng mức đầu tư (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh	Số quyết định, ngày, tháng ban hành	Tổng mức đầu tư (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh	Tổng số	Trong đó:	
										Vốn cân đối ngân sách tỉnh	Vốn từ nguồn thu tiền sử dụng đất
	Tổng số			**260.000**	**260.000**		**260.000**	**260.000**	**210.300**	**10.900**	**199.400**
I	**Các dự án cấp tỉnh quản lý**			**260.000**	**260.000**		**260.000**	**260.000**	**65.000**		**65.000**
*****	***Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2023***			***260.000***	***260.000***		***260.000***	***260.000***	***65.000***		***65.000***
1	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ thị trấn Bố Hạ qua xã Đông Sơn, huyện Yên Thế đi trường Cao đẳng Nghề Đông Bắc	UBND huyện Yên Thế	14/NQ-HĐND, 29/6/2021	260.000	260.000	2307/QĐ-UBND, 15/11/2021	260.000	260.000	65.000		65.000
II	**Hỗ trợ ngân sách huyện, thành phố đầu tư theo Nghị quyết số 36/2020/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của HĐND tỉnh**								**10.900**	**10.900**	
III	**Hỗ trợ đầu tư cơ sở làm việc công an xã chính quy giai đoạn 2021-2025 (Theo Đề án ban hành kèm theo Quyết định số 1233/QĐ-UBND ngày 21/6/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh)**								**6.000**		**6.000**
IV	**Hỗ trợ đầu tư xây dựng công trình ngầm, cầu dân sinh trên địa bàn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Bắc Giang, giai đoạn 2022-2024 (Theo Kế hoạch số 511/KH-UBND ngày 15/10/2021 của UBND tỉnh)**								**8.400**		**8.400**
*****	***Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2023***								***8.400***		***8.400***

STT	DANH MỤC ĐẦU TƯ	Chủ đầu tư	Quyết định chủ trương đầu tư			Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023[2]		
			Số quyết định, ngày, tháng ban hành	Tổng mức đầu tư (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh	Số quyết định, ngày, tháng ban hành	Tổng mức đầu tư (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh	Tổng số	Trong đó:	
										Vốn cân đối ngân sách tỉnh	Vốn từ nguồn thu tiền sử dụng đất
1	Đầu tư xây dựng công trình ngầm dân sinh trên địa bàn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi huyện Yên Thế	Ban QLDA ĐTXD huyện Yên Thế	645/QĐ-UBND, 03/11/2021	14.613	12.000	7900/QĐ-UBND, 15/11/2021	14.613	12.000	8.400		8.400
V	**Vốn đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất[1]**								**120.000**		**120.000**

Ghi chú: (1) Số thu tiền sử dụng đất điều tiết ngân sách các cấp được thực hiện theo Nghị quyết số 47/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh.

(2) Các huyện, thành phố phân bổ chi tiết nguồn vốn đầu tư công hỗ trợ năm 2023 cho các dự án đủ điều kiện, thủ tục theo quy định của Luật Đầu tư công.

KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số 1324/QĐ-UBND ngày 27 tháng 12 năm 2022 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

GIAO UBND HUYỆN HIỆP HOÀ

Đơn vị: Triệu đồng

STT	DANH MỤC ĐẦU TƯ	Chủ đầu tư	Quyết định chủ trương đầu tư				Quyết định đầu tư				Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023[(2)]			
			Số quyết định, ngày, tháng ban hành	Tổng mức đầu tư (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh	Vốn ngân sách Trung ương	Số quyết định, ngày, tháng ban hành	Tổng mức đầu tư (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh	Vốn ngân sách Trung ương	Tổng số	Trong đó:		
												Vốn cân đối ngân sách tỉnh	Vốn từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Vốn ngân sách Trung ương
	Tổng số			**731.293**	**169.100**	**212.193**		**714.257**	**169.100**	**212.193**	**670.100**	**8.100**	**579.000**	**83.000**
I	**Dự án do cấp tỉnh quản lý**			**231.293**	**19.100**	**212.193**		**231.293**	**19.100**	**212.193**	**83.000**			**83.000**
*	***Các dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2023***			***115.293***	***1.000***	***114.293***		***115.293***	***1.000***	***114.293***	***19.100***			***19.100***
1	Tu bổ, tôn tạo một số di tích lịch sử, văn hóa ATKII tại các xã: Hòa Sơn, Hoàng Vân, Xuân Cẩm và đầu tư xây dựng cơ sở vật chất Trường THCS Hùng Sơn, huyện Hiệp Hòa	UBND huyện Hiệp Hòa	09/NQ-HĐND, 09/7/2020	59.954	500	59.454	2190/QĐ-UBND, 30/10/2020	59.954	500	59.454	15.500			15.500
2	Xây dựng cơ sở vật chất một số trường Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở thuộc các xã: Thanh Vân, Mai Trung, Quang Minh, Mai Đình, Hoàng Thanh, Hoàng Vân, huyện Hiệp Hòa	UBND huyện Hiệp Hòa	09/NQ-HĐND, 09/7/2020	55.339	500	54.839	2191/QĐ-UBND, 30/10/2020	55.339	500	54.839	3.600			3.600
*	***Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2023***			***116.000***	***18.100***	***97.900***		***116.000***	***18.100***	***97.900***	***63.900***			***63.900***
1	Xây dựng phòng học thuộc các xã ATKII: Xuân Cẩm, Mai Trung, Hợp Thịnh, Hương Lâm, Hoàng An, huyện Hiệp Hòa	UBND huyện Hiệp Hòa	14/NQ-HĐND, 29/6/2021	62.000	10.000	52.000	2295/QĐ-UBND, 12/11/2021	62.000	10.000	52.000	35.000			35.000
2	Xây dựng phòng học thuộc các xã ATKII: Thái Sơn, Hoàng Vân, Hương Lâm, Hợp Thịnh, Hùng Sơn, huyện Hiệp Hòa	UBND huyện Hiệp Hòa	14/NQ-HĐND, 29/6/2021	54.000	8.100	45.900	2287/QĐ-UBND, 11/11/2021	54.000	8.100	45.900	28.900			28.900
II	**Hỗ trợ ngân sách huyện đầu tư các dự án**			**500.000**	**150.000**			**482.964**	**150.000**		**70.000**		**70.000**	
*	***Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2023***			***500.000***	***150.000***			***482.964***	***150.000***		***70.000***		***70.000***	

STT	DANH MỤC ĐẦU TƯ	Chủ đầu tư	Quyết định chủ trương đầu tư				Quyết định đầu tư				Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023[2]			
			Số quyết định, ngày, tháng ban hành	Tổng mức đầu tư (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh	Vốn ngân sách Trung ương	Số quyết định, ngày, tháng ban hành	Tổng mức đầu tư (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh	Vốn ngân sách Trung ương	Tổng số	Trong đó:		
												Vốn cân đối ngân sách tỉnh	Vốn từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Vốn ngân sách Trung ương
1	Xây dựng tuyến đường trục Bắc Nam, huyện Hiệp Hòa	Ban QLDA ĐTXD huyện Hiệp Hòa	37/NQ-HĐND, 23/3/2021; SKHĐT, 19/7/2021	500.000	150.000		2869/QĐ-UBND, 28/6/2021	482.964	150.000		70.000		70.000	
III	**Hỗ trợ ngân sách huyện, thành phố đầu tư theo Nghị quyết số 36/2020/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của HĐND tỉnh**										**8.100**	**8.100**		
IV	**Hỗ trợ đầu tư cơ sở làm việc công an xã chính quy giai đoạn 2021-2025 (Theo Đề án ban hành kèm theo Quyết định số 1233/QĐ-UBND ngày 21/6/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh)**										**9.000**		**9.000**	
V	**Vốn đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất[1]**										**500.000**		**500.000**	

Ghi chú: (1) Số thu tiền sử dụng đất điều tiết ngân sách các cấp được thực hiện theo Nghị quyết số 47/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh.

(2) Các huyện, thành phố phân bổ chi tiết nguồn vốn đầu tư công hỗ trợ năm 2023 cho các dự án đủ điều kiện, thủ tục theo quy định của Luật Đầu tư công.

KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số 1324/QĐ-UBND ngày 27 tháng 12 năm 2022 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

GIAO UBND HUYỆN TÂN YÊN

Đơn vị: Triệu đồng

STT	DANH MỤC ĐẦU TƯ	Chủ đầu tư	Quyết định chủ trương đầu tư				Quyết định đầu tư				Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023[2]			
			Số quyết định, ngày, tháng ban hành	Tổng mức đầu tư (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh	Vốn ngân sách Trung ương	Số quyết định, ngày, tháng ban hành	Tổng mức đầu tư (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh	Vốn ngân sách Trung ương	Tổng số	Trong đó:		
												Vốn cân đối ngân sách tỉnh	Vốn từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Vốn ngân sách Trung ương
	Tổng số			**230.000**	**1.000**	**194.000**		**230.000**	**1.000**	**194.000**	**580.200**	**9.200**	**506.000**	**65.000**
I	**Dự án do cấp tỉnh quản lý**			**230.000**	**1.000**	**194.000**		**230.000**	**1.000**	**194.000**	**65.000**			**65.000**
*	***Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2023***			***230.000***	***1.000***	***194.000***		***230.000***	***1.000***	***194.000***	***65.000***			***65.000***
1	Đường liên xã từ QL17 (đoạn gần thị trấn Nhã Nam) đi Phúc Sơn, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang	UBND huyện Tân Yên	14/NQ-HĐND, 29/6/2021	230.000	1.000	194.000	1980/QĐ-UBND, 30/9/2021	230.000	1.000	194.000	65.000			65.000
II	**Hỗ trợ ngân sách huyện, thành phố đầu tư theo Nghị quyết số 36/2020/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của HĐND tỉnh**										**9.200**	**9.200**		
III	**Hỗ trợ đầu tư cơ sở làm việc công an xã chính quy giai đoạn 2021-2025 (Theo Đề án ban hành kèm theo Quyết định số 1233/QĐ-UBND ngày 21/6/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh)**										**6.000**		**6.000**	
IV	**Vốn đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất[1]**										**500.000**		**500.000**	

Ghi chú: (1) Số thu tiền sử dụng đất điều tiết ngân sách các cấp được thực hiện theo Nghị quyết số 47/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh.

(2) Các huyện, thành phố phân bổ chi tiết nguồn vốn đầu tư công hỗ trợ năm 2023 cho các dự án đủ điều kiện, thủ tục theo quy định của Luật Đầu tư công.

KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số 1324/QĐ-UBND ngày 27 tháng 12 năm 2022 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

GIAO UBND HUYỆN VIỆT YÊN

Đơn vị: Triệu đồng

STT	DANH MỤC ĐẦU TƯ	Chủ đầu tư	Quyết định chủ trương đầu tư			Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023[2]		
			Số quyết định, ngày, tháng ban hành	Tổng mức đầu tư (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh	Số quyết định, ngày, tháng ban hành	Tổng mức đầu tư (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh	Tổng số	Trong đó:	
										Vốn cân đối ngân sách tỉnh	Vốn từ nguồn thu tiền sử dụng đất
	Tổng số			**170.663**	**85.331**		**169.142**	**84.571**	**1.030.000**	**6.500**	**1.023.500**
I	**Hỗ trợ ngân sách huyện đầu tư các dự án**			**170.663**	**85.331**		**169.142**	**84.571**	**19.500**		**19.500**
*	***Dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2023***			***170.663***	***85.331***		***169.142***	***84.571***	***19.500***		***19.500***
1	Xây dựng tuyến đường kết nối đường Quốc lộ 17 với Cao tốc Hà Nội - Bắc Giang qua Khu công nghiệp Yên Lư và Khu công nghiệp Vân Trung, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang	UBND huyện Việt Yên	27/NQ-HĐND, 29/5/2020	170.663	85.331	4711/QĐ-UBND, 04/8/2020	169.142	84.571	19.500		19.500
II	**Hỗ trợ ngân sách huyện, thành phố đầu tư theo Nghị quyết số 36/2020/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của HĐND tỉnh**								**6.500**	**6.500**	
III	**Hỗ trợ đầu tư cơ sở làm việc công an xã chính quy giai đoạn 2021-2025 (Theo Đề án ban hành kèm theo Quyết định số 1233/QĐ-UBND ngày 21/6/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh)**								**4.000**		**4.000**
IV	**Vốn đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất[1]**								**1.000.000**		**1.000.000**

Ghi chú: (1) Số thu tiền sử dụng đất điều tiết ngân sách các cấp được thực hiện theo Nghị quyết số 47/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh.

(2) Các huyện, thành phố phân bổ chi tiết nguồn vốn đầu tư công hỗ trợ năm 2023 cho các dự án đủ điều kiện, thủ tục theo quy định của Luật Đầu tư công.

KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số 1324/QĐ-UBND ngày 27 tháng 12 năm 2022 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

GIAO UBND HUYỆN YÊN DŨNG

Đơn vị: Triệu đồng

STT	DANH MỤC ĐẦU TƯ	Chủ đầu tư	Quyết định chủ trương đầu tư				Quyết định đầu tư				Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023[2]			
			Số quyết định, ngày, tháng ban hành	Tổng mức đầu tư (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh	Vốn ngân sách Trung ương	Số quyết định, ngày, tháng ban hành	Tổng mức đầu tư (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh	Vốn ngân sách Trung ương	Tổng số	Trong đó:		
												Vốn cân đối ngân sách tỉnh	Vốn từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Vốn ngân sách Trung ương
	Tổng số			**129.860**	**200**	**99.660**		**129.860**	**200**	**99.660**	**747.500**	**6.800**	**716.000**	**24.700**
I	**Các dự án cấp tỉnh quản lý**			**129.860**	**200**	**99.660**		**129.860**	**200**	**99.660**	**24.700**			**24.700**
*	***Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2023***			***129.860***	***200***	***99.660***		***129.860***	***200***	***99.660***	***24.700***			***24.700***
1	Kênh tiêu thoát lũ Nham Biền, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang	UBND huyện Yên Dũng	265/HĐND-THTT, 27/6/2016; 39/NQ-HĐND, 09/12/2020	129.860	200	99.660	1412/QĐ-UBND, 09/7/2021	129.860	200	99.660	24.700			24.700
II	**Hỗ trợ ngân sách huyện, thành phố đầu tư theo Nghị quyết số 36/2020/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của HĐND tỉnh**										**6.800**	**6.800**		
III	**Hỗ trợ đầu tư cơ sở làm việc công an xã chính quy giai đoạn 2021-2025 (Theo Đề án ban hành kèm theo Quyết định số 1233/QĐ-UBND ngày 21/6/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh)**										**6.000**		**6.000**	
IV	**Vốn đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất[1]**										**710.000**		**710.000**	

Ghi chú: (1) Số thu tiền sử dụng đất điều tiết ngân sách các cấp được thực hiện theo Nghị quyết số 47/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh.

(2) Các huyện, thành phố phân bổ chi tiết nguồn vốn đầu tư công hỗ trợ năm 2023 cho các dự án đủ điều kiện, thủ tục theo quy định của Luật Đầu tư công.

KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số 1324/QĐ-UBND ngày 27 tháng 12 năm 2022 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

GIAO UBND HUYỆN LẠNG GIANG

Đơn vị: Triệu đồng

STT	DANH MỤC ĐẦU TƯ	Chủ đầu tư	Quyết định chủ trương đầu tư			Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023[2]		
			Số quyết định, ngày, tháng ban hành	Tổng mức đầu tư (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh	Số quyết định, ngày, tháng ban hành	Tổng mức đầu tư (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh	Tổng số	Trong đó:	
										Vốn cân đối ngân sách tỉnh	Vốn từ nguồn thu tiền sử dụng đất
	Tổng số			**410.000**	**60.000**		**409.529**	**60.000**	**800.900**	**9.900**	**791.000**
I	**Hỗ trợ ngân sách huyện đầu tư các dự án**			**410.000**	**60.000**		**409.529**	**60.000**	**40.000**		**40.000**
*****	***Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2023***			***410.000***	***60.000***		***409.529***	***60.000***	***40.000***		***40.000***
1	Tuyến đường huyện đoạn từ QL37 đi đường Vành đai V thủ đô	Ban QLDA ĐTXD huyện Lạng Giang	44/NQ-HĐND, 17/12/2020	410.000	60.000	4708/QĐ-UBND, 09/8/2021	409.529	60.000	40.000		40.000
II	**Hỗ trợ ngân sách huyện, thành phố đầu tư theo Nghị quyết số 36/2020/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của HĐND tỉnh**								**9.900**	**9.900**	
III	**Hỗ trợ đầu tư cơ sở làm việc công an xã chính quy giai đoạn 2021-2025 (Theo Đề án ban hành kèm theo Quyết định số 1233/QĐ-UBND ngày 21/6/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh)**								**1.000**		**1.000**
IV	**Vốn đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất[1]**								**750.000**		**750.000**

Ghi chú: (1) Số thu tiền sử dụng đất điều tiết ngân sách các cấp được thực hiện theo Nghị quyết số 47/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh.

(2) Các huyện, thành phố phân bổ chi tiết nguồn vốn đầu tư công hỗ trợ năm 2023 cho các dự án đủ điều kiện, thủ tục theo quy định của Luật Đầu tư công.

PHỤ LỤC

KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG GIAI ĐOẠN 2021-2025 VÀ NĂM 2023 TỈNH BẮC GIANG

(Kèm theo Quyết định số 1324/QĐ-UBND ngày 27 tháng 12 năm 2022 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

Biểu số 3c.1

KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG GIAI ĐOẠN 2021-2025 VÀ NĂM 2023 TỈNH BẮC GIANG

(Kèm theo Quyết định số 1324/QĐ-UBND ngày 27 tháng 12 năm 2022 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư				Kế hoạch vốn đầu tư phát triển giai đoạn 2021-2025			Lũy kế bố trí vốn đầu tư phát triển đến hết năm 2022			Kế hoạch vốn đầu tư phát triển năm 2023			Ghi chú
						Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó			Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh		Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh		Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh		
								Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh										
	TỔNG SỐ						**448.517**	**341.951**	**45.000**	**172.557**	**152.557**	**20.000**	**94.012**	**89.012**	**5.000**	**146.090**	**126.090**	**20.000**	
	Trong đó: Phân bổ đợt 01															**34.816**	**24.816**	**10.000**	
I	**Dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội huyện nghèo**						**347.500**	**257.934**	**28.000**	**168.157**	**148.157**	**20.000**	**94.012**	**89.012**	**5.000**	**114.220**	**104.220**	**10.000**	
	Trong đó: Phân bổ đợt 01															*30.416*	*20.416*	*10.000*	
1	**Tiểu dự án án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội huyện nghèo**						**227.500**	**168.507**	**28.000**	**168.157**	**148.157**	**20.000**	**94.012**	**89.012**	**5.000**	**51.621**	**41.621**	**10.000**	
	Trong đó: Phân bổ đợt 01															*30.416*	*20.416*	*10.000*	
1	Cải tạo nâng cấp đường Vĩnh An - Vân Sơn, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang	Ban QLDA ĐTXD huyện Sơn Động	xã Vĩnh An - Vân Sơn, huyện Sơn Động	Đường Asphalt dài khoảng 12km (đường giao thông nông thôn cấp IV miền núi)	2022-2024	4231/QĐ-UBND ngày 03/10/2022	78.640	58.351	11.000	69.351	58.351	11.000	52.970	49.970	3.000	5.000		5.000	
2	Nâng cấp đường xã Tuấn Đạo, huyện Sơn Động đi xã Đèo Gia, huyện Lục Ngạn	Ban QLDA ĐTXD huyện Sơn Động	xã Tuấn Đạo, huyện Sơn Động	Đường BTXM dài khoảng 3,5km (đường giao thông nông thôn cấp IV miền núi)	2022-2024	4395/QĐ-UBND ngày 14/10/2022	64.000	47.360	9.000	56.360	47.360	9.000	40.642	38.642	2.000	5.000		5.000	
3	Xây mới Trạm Y tế xã Yên Định, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang	Ban QLDA ĐTXD huyện Sơn Động	xã Yên Định, huyện Sơn Động	Nhà trạm chính, nhà bếp, nhà ăn và các hạng mục phụ trợ khác	2023-2025	5202/QĐ-UBND, ngày 22/12/2022	14.900	11.026		11.026	11.026		100	100		10.926	10.926		
4	Xây mới Trạm Y tế An Lạc, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang	Ban QLDA ĐTXD huyện Sơn Động	xã An Lạc, huyện Sơn Động	Xây dựng nhà trạm y tế 2 tầng và các hạng mục phụ trợ khác	2023-2025	5205/QĐ-UBND, ngày 22/12/2022	12.960	9.590		9.590	9.590		100	100		9.490	9.490		
IV	**Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững**						**101.017**	**84.017**	**17.000**	**4.400**	**4.400**					**31.870**	**21.870**	**10.000**	
	Trong đó: Phân bổ đợt 01															*4.400*	*4.400*		
1	**Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn**						**86.009**	**69.009**	**17.000**	**4.400**	**4.400**					**27.300**	**17.300**	**10.000**	
	Trong đó: Phân bổ đợt 01															*4.400*	*4.400*		
1.1	Cải tạo, sửa chữa cơ sở vật chất trường Cao đẳng Ngô Gia Tự Bắc Giang; Hạng mục: Cải tạo nâng cấp nhà ký túc xá E, cải tạo sửa chữa nhà Giảng đường	Trường Cao đẳng Ngô Gia Tự Bắc Giang	xã Quế Nham, huyện Tân Yên	Cải tạo, sửa chữa Nhà ký túc xá E; Cải tạo, sửa chữa Nhà Giảng đường	2022-2023	319/QĐ-SXD, 09/11/2022	4.873	4.873		4.400	4.400					4.400	4.400		Bổ sung danh mục và phân bổ kế hoạch vốn đầu tư phát triển giai đoạn 2021-2025, kế hoạch năm 2023

PHỤ LỤC

KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ-XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI TỈNH BẮC GIANG NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số 1324/QĐ-UBND ngày 27 tháng 12 năm 2022 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

Biểu số 3c.2

TỔNG HỢP KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ-XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI TỈNH BẮC GIANG NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số 1324/QĐ-UBND ngày 27 tháng 12 năm 2022 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Danh mục/Nội dung thực hiện	Chủ đầu tư; đơn vị chủ trì thực hiện	Kế hoạch vốn đầu tư phát triển năm 2023			Ghi chú
			Tổng số	Trong đó:		
				Vốn ngân sách Trung ương	Vốn ngân sách tỉnh	
	Tổng số		**248.110**	**198.110**	**50.000**	
I	**Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt**		**28.527**	**27.799**	**728**	**UBND các huyện giao kế hoạch chi tiết**
1	Hỗ trợ đất ở, nhà ở	UBND các xã	8.008	7.280	728	Phân bổ theo tiêu chí
	Huyện Lục Ngạn		5.324	4.840	484	
	Huyện Lục Nam		2.552	2.320	232	
	Huyện Yên Thế		132	120	12	
2	Hỗ trợ nước sinh hoạt		20.519	20.519		
2.1	Nước sinh hoạt tập trung		20.519	20.519		Phân bổ theo tiêu chí
	Huyện Sơn Động		7.600	7.600		
	Huyện Lục Ngạn		5.300	5.300		
	Huyện Lục Nam		7.619	7.619		
II	**Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết**	Ban QLDA ĐTXD huyện Yên Thế	**7.000**	**7.000**		Chi tiết tại phụ lục 3c.2.2
III	**Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị**		**8.286**	**8.286**		
1	Tiểu dự án 2: Đầu tư phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng dược liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.		8.286	8.286		Phân bổ theo tiêu chí
	* Đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý trên địa bàn huyện Sơn Động	UBND huyện Sơn Động	8.286	8.286		
IV	**Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc**		**145.635**	**119.635**	**26.000**	
1	Tiểu dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi		145.635	119.635	26.000	
1.1	Đầu tư cơ sở hạ tầng xã, thôn, bản đặc biệt khó khăn		95.423	82.323	13.100	Phân bổ theo tiêu chí
	* Phân bổ cho các huyện, xã	UBND các huyện, UBND các xã	79.973	79.973		Chi tiết tại Biểu 3c.2.1
	- Huyện Sơn Động		34.453	34.453		
	- Huyện Lục Ngạn		24.773	24.773		
	- Huyện Lục Nam		12.296	12.296		
	- Huyện Yên Thế		7.781	7.781		
	- Huyện Lạng Giang		670	670		
	* Đầu tư công trình giao thông có tác động lan tỏa trên địa bàn huyện Sơn Động	BQLDA Đầu tư xây dựng huyện Sơn Động	15.450	2.350	13.100	Vốn 10% đầu tư công trình liên xã. Chi tiết tại Biểu 3c.2.2
1.2	Cứng hóa đường giao thông đến trung tâm xã, liên xã	Ban QLDA ĐTXD các huyện Sơn Động, Lục Ngạn, Lục Nam, Yên Thế	42.989	30.089	12.900	Chi tiết tại Biểu 3c.2.2

STT	Danh mục/Nội dung thực hiện	Chủ đầu tư; đơn vị chủ trì thực hiện	Kế hoạch vốn đầu tư phát triển năm 2023			Ghi chú
			Tổng số	Trong đó:		
				Vốn ngân sách Trung ương	Vốn ngân sách tỉnh	
1.3	Xây dựng, cải tạo nâng cấp chợ		4.943	4.943		Chi tiết tại Biểu 3c.2.1
	- Xây dựng chợ trên địa bàn huyện Sơn Động	UBND các xã	4.182	4.182		
	- Cải tạo, nâng cấp chợ trên địa bàn huyện Lục Ngạn	UBND xã	761	761		
1.4	Cải tạo, nâng cấp trạm y tế xã		2.280	2.280		Chi tiết tại Biểu 3c.2.1
	- Cải tạo, nâng cấp trạm y tế xã trên địa bàn huyện Sơn Động	UBND xã	760	760		
	- Cải tạo, nâng cấp trạm y tế xã trên địa bàn huyện Lục Ngạn	UBND các xã	1.520	1.520		
V	**Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực**		**50.312**	**27.040**	**23.272**	
1	Tiểu dự án 1: Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số		50.312	27.040	23.272	
1.1	Đầu tư trường phổ thông dân tộc bán trú, trường phổ thông dân tộc nội trú	Ban QLDA ĐTXD CT Dân dụng và CN tỉnh, BQLDAĐTXD các huyện	50.312	27.040	23.272	Chi tiết tại Biểu 3c.2.2
VI	**Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch**	Sở VHTT và DL; UBND các huyện, UBND xã	**8.350**	**8.350**		Phân bổ theo tiêu chí
1	Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch trên địa bàn huyện Sơn Động	UBND huyện, UBND xã	2.860	2.860		UBND huyện giao kế hoạch chi tiết
2	Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch trên địa bàn huyện Lục Ngạn	UBND huyện, UBND xã	1.554	1.554		UBND huyện giao kế hoạch chi tiết
3	Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch trên địa bàn huyện Lục Nam	UBND huyện, UBND xã	1.045	1.045		UBND huyện giao kế hoạch chi tiết
4	Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch trên địa bàn huyện Yên Thế	UBND huyện, UBND xã	2.177	2.177		UBND huyện giao kế hoạch chi tiết
5	Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch trên địa bàn huyện Lạng Giang	UBND huyện, xã	714	714		UBND huyện giao kế hoạch chi tiết

Biểu số 3c.2.1

KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG GIAO CHO UBND CÁC HUYỆN, XÃ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ-XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số 1324/QĐ-UBND ngày 27 tháng 12 năm 2022 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Kế hoạch vốn năm 2023
	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số (Tiểu dự án 1)	**87.196**
I	**HUYỆN LẠNG GIANG**	**670**
1	Xã Hương Sơn	670
II	**HUYỆN SƠN ĐỘNG**	**39.395**
1	Thị trấn An Châu	1.267
2	Xã Long Sơn	905
3	Xã Tuấn Đạo	1.267
4	TT.Tây Yên Tử	2.089
5	Xã Dương Hưu	2.828
6	Xã Hữu Sản	2.104
7	Xã An Lạc	2.193
8	Xã Vân Sơn	2.087
9	Xã Lệ Viễn	2.113
10	Xã Vĩnh An	2.150
11	Xã An Bá	2.108
12	Xã Yên Định	2.118
13	Xã Cẩm Đàn	2.171
14	Xã Thanh Luận	2.092
15	Xã Đại Sơn	6.292
16	Xã Phúc Sơn	2.165
17	Xã Giáo Liêm	3.446
III	**HUYỆN LỤC NGẠN**	**27.054**
1	Xã Sa Lý	2.028
2	Xã Phong Minh	2.047
3	Xã Phong Vân	2.099
4	Xã Tân Sơn	5.298
5	Xã Cấm Sơn	2.789
6	Xã Hộ Đáp	2.063

STT	Tên đơn vị	Kế hoạch vốn năm 2023
7	Xã Sơn Hải	2.048
8	Xã Phú Nhuận	2.897
9	Xã Đèo Gia	2.104
10	Xã Tân Lập	1.267
11	Xã Kim Sơn	603
12	Xã Thanh Hải	302
13	Xã Biên Sơn	302
14	Xã Tân Hoa	905
15	Xã Kiên Thành	302
IV	**HUYỆN LỤC NAM**	**12.296**
1	Xã Bình Sơn	1.323
2	Xã Lục Sơn	2.067
3	Xã Trường Sơn	1.310
4	Xã Vô Tranh	2.082
5	Xã Trường Giang	905
6	Xã Nghĩa Phương	1.267
11	Xã Tam Dị	2.437
12	Xã Bảo Sơn	905
V	**HUYỆN YÊN THẾ**	**7.781**
1	Xã Đồng Vương	2.834
2	Xã Đồng Tiến	1.267
3	Xã Canh Nậu	1.267
4	Xã Tiến Thắng	905
5	Xã Đồng Hưu	603
6	Xã Tân Hiệp	302
7	Xã Đông Sơn	603

Ghi chú:

- UBND các huyện giao kế hoạch chi tiết danh mục công trình.

- Vốn Dự án 4 đã bao gồm cả vốn cải tạo, nâng cấp trạm y tế (xã Dương Hưu, xã Tân Sơn, xã Cấm Sơn), đầu tư xây dựng, cải tạo nâng cấp chợ (xã Đại Sơn, xã Phú Nhuận).

Biểu số 3c.2.2

DANH MỤC DỰ ÁN ĐẦU TƯ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ-XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI TỈNH BẮC GIANG NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số 1324/QĐ-UBND ngày 27 tháng 12 năm 2022 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Danh mục	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế/Nội dung thực hiện	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư				Kế hoạch vốn đầu tư phát triển giai đoạn 2021-2025			Kế hoạch vốn đầu tư phát triển đã phân bổ đến hết năm 2022			Kế hoạch vốn đầu tư phát triển năm 2023		
						Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó	
								Vốn Ngân sách trung ương	Vốn Ngân sách tỉnh		Vốn Ngân sách trung ương	Vốn Ngân sách tỉnh		Vốn Ngân sách trung ương	Vốn Ngân sách tỉnh		Vốn Ngân sách trung ương	Vốn Ngân sách tỉnh
	Tổng số						**697.336**	**226.906**	**227.822**	**422.346**	**226.906**	**195.440**	**82.980**	**55.084**	**27.896**	**115.751**	**66.479**	**49.272**
I	**Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết**						**19.146**	**19.146**		**19.146**	**19.146**		**8.846**	**8.846**		**7.000**	**7.000**	
1	Dự án bố trí, sắp xếp ổn định dân cư tại chỗ các thôn, bản: Tràng Bấn, Đồng Đáng, Thái Hà, La Xa, Bình Minh, xã Đồng Vương, huyện Yên Thế	Ban QLDA ĐTXD huyện Yên Thế	Xã Đồng Vương, huyện Yên Thế	Nâng cấp mở rộng 3 tuyến đường giao thông dài khoảng 3.642,73 m; trạm bơm và hệ thống kênh mương	2022-2024	4140/QĐ-UBND ngày 28/9/2022	19.146	19.146		19.146	19.146		8.846	8.846		7.000	7.000	
II	**Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc**						**395.289**	**113.433**	**122.940**	**236.373**	**113.433**	**122.940**	**34.816**	**20.656**	**14.160**	**58.439**	**32.439**	**26.000**
1	Tiểu dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi						395.289	113.433	122.940	236.373	113.433	122.940	34.816	20.656	14.160	58.439	32.439	26.000
1.1	Đầu tư CSHT xã, thôn bản ĐBKK						23.000	5.000	16.100	21.100	5.000	16.100	5.650	2.650	3.000	15.450	2.350	13.100
*	Dự án đầu tư xây dựng đường dẫn và cầu Suối Xả, xã Cẩm Đàn, huyện Sơn Động.	Ban QLDA ĐTXD huyện Sơn Động	Xã Cẩm Đàn, huyện Sơn Động	Chiều dài cầu 47,1m; chiều dài đường 580 m	2022-2023	4152/QĐ-UBND ngày 28/9/2022	23.000	5.000	16.100	21.100	5.000	16.100	5.650	2.650	3.000	15.450	2.350	13.100
1.2	Cứng hóa đường giao thông đến trung tâm xã, liên xã						372.289	108.433	106.840	215.273	108.433	106.840	29.166	18.006	11.160	42.989	30.089	12.900

STT	Danh mục	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế/Nội dung thực hiện	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư				Kế hoạch vốn đầu tư phát triển giai đoạn 2021-2025			Kế hoạch vốn đầu tư phát triển đã phân bổ đến hết năm 2022			Kế hoạch vốn đầu tư phát triển năm 2023		
						Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó	
								Vốn Ngân sách trung ương	Vốn Ngân sách tỉnh		Vốn Ngân sách trung ương	Vốn Ngân sách tỉnh		Vốn Ngân sách trung ương	Vốn Ngân sách tỉnh		Vốn Ngân sách trung ương	Vốn Ngân sách tỉnh
1.2.1	Dự án cải tạo, nâng cấp đường vào trung tâm xã Giáo Liêm, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang	Ban QLDA ĐTXD huyện Sơn Động	Xã Giáo Liêm, huyện Sơn Động	dài 7,1 km; chiều rộng nền đường 8m; chiều rộng mặt đường 6m;	2022-2024	3946/QĐ-UBND ngày 08/9/2022	32.500	10.646	11.200	21.846	10.646	11.200	8.000	5.000	3.000	8.646	5.646	3.000
1.2.2	Dự án cải tạo, nâng cấp đường đến trung tâm xã Long Sơn, huyện Sơn Động	Ban QLDA ĐTXD huyện Sơn Động	Xã Long Sơn, huyện Sơn Động	dài 16,4 km; chiều rộng nền đường 8m; chiều rộng mặt đường 6m	2022-2024	3890/QĐ-UBND ngày 30/8/2022	68.500	24.333	25.600	49.933	24.333	25.600	9.500	5.500	4.000	10.043	8.263	1.780
1.2.3	Dự án cải tạo, nâng cấp đường huyện đoạn từ cổng UBND xã Trường Sơn đi bản Vua Bà, xã Trường Sơn	Ban QLDA ĐTXD huyện Lục Nam	Xã Trường Sơn, huyện Lục Nam	Dài 4,4 km	2022-2023	15446/QĐ-UBND 18/11/2021; 1197a/QĐ-UBND 01/8/2022	25.000	6.691	5.280	11.971	6.691	5.280	4.910	2.750	2.160	7.061	3.941	3.120
1.2.4	Cải tạo, nâng cấp đường xã Sơn Hải đi xã Hộ Đáp (Đoạn 1 từ Km6+761.16 đến Km13+890, đoạn 2 từ Km18+236 đến Km26+981.60), huyện Lục Ngạn	Ban QLDA ĐTXD huyện Lục Ngạn	Xã Sơn Hải, Hộ Đáp, huyện Lục Ngạn	Đường cấp IV miền núi, chiều dài tuyến 15,9 km	2022-2025	2702/QĐ-UBND ngày 29/9/2022	93.000	24.181	22.260	46.441	24.181	22.260	5.500	3.500	2.000	7.300	5.300	2.000
1.2.5	Dự án cải tạo, nâng cấp đường giao thông đến trung tâm xã Dương Hưu, huyện Sơn Động (điểm đầu từ đường tỉnh lộ 293 đến thôn Đồng Làng, xã Dương Hưu),	UBND xã Dương Hưu	Xã Dương Hưu, huyện Sơn Động	Dài 1,895 km	2023-2025	4837/QĐ-UBND ngày 28/11/2022	7.950	2.738	2.880	5.618	2.738	2.880	256	256		1.000	1.000	
1.2.6	Cải tạo, nâng cấp đường vào trung tâm xã An Lạc, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang	Ban QLDA ĐTXD huyện Sơn Động	Xã An Lạc, huyện Sơn Động	dài 12,5 km; rộng nền đường 7,5 m; chiều rộng mặt đường 7,0m;	2023-2025	5201/QĐ-UBND ngày 22/12/2022	52.300	18.346	19.303	37.649	18.346	19.303	300	300		2.650	2.650	
1.2.7	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông từ Tân Sơn, huyện Lục Ngạn đi xã Hữu Kiên, huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn	Ban QLDA ĐTXD huyện Lục Ngạn	Xã Tân Sơn, huyện Lục Ngạn	Đường cấp IV miền núi, dài 11,5 km	2023-2025	3221/QĐ-UBND ngày 16/12/2022	83.000	17.489	16.100	33.589	17.489	16.100	500	500		3.289	2.289	1.000
1.2.8	Dự án cải tạo, nâng cấp đường xã Đồng Vương đi xã Đồng Tiến, huyện Yên Thế	Ban QLDA ĐTXD huyện Yên Thế	Xã Đồng Vương, Đồng Tiến, huyện Yên Thế	Dài 2.636,07 km, đường cấp V miền núi	2022-2024	4137/QĐ-UBND ngày 27/9/2022	10.039	4.009	4.217	8.226	4.009	4.217	200	200		3.000	1.000	2.000

STT	Danh mục	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế/Nội dung thực hiện	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư				Kế hoạch vốn đầu tư phát triển giai đoạn 2021-2025			Kế hoạch vốn đầu tư phát triển đã phân bổ đến hết năm 2022			Kế hoạch vốn đầu tư phát triển năm 2023		
						Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó	
								Vốn Ngân sách trung ương	Vốn Ngân sách tỉnh		Vốn Ngân sách trung ương	Vốn Ngân sách tỉnh		Vốn Ngân sách trung ương	Vốn Ngân sách tỉnh		Vốn Ngân sách trung ương	Vốn Ngân sách tỉnh
III	**Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực**						**282.901**	**94.327**	**104.882**	**166.827**	**94.327**	**72.500**	**39.318**	**25.582**	**13.736**	**50.312**	**27.040**	**23.272**
1	Tiểu dự án 1: Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số						282.901	94.327	104.882	166.827	94.327	72.500	39.318	25.582	13.736	50.312	27.040	23.272
1.1	Đầu tư Trường PTDTBT, Trường PTDTNT						282.901	94.327	104.882	166.827	94.327	72.500	39.318	25.582	13.736	50.312	27.040	23.272
1.1.1	Dự án đầu tư cơ sở vật chất các trường PTDTNT tỉnh, PTDTNT huyện Sơn Động, PTDTNT huyện Lục Ngạn theo chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2021-2025	Ban QLDA ĐTXD CTDD và CN tỉnh	Các trường phổ thông DTNT	Tổng DT sàn xây dựng và cải tạo khoảng 15.080m2; XD nhà 4 tầng, 8 phòng và nhà 4 tầng 16 phòng	2022-2025	2878/QĐ-UBND ngày 31/8/2022	58.388	18.000	40.388	26.006	18.000	8.006	7.000	4.000	3.000	7.326	4.320	3.006
1.1.2	Dự án Trường phổ thông dân tộc nội trú huyện Lục Nam	Ban QLDA ĐTXD huyện Lục Nam	Huyện Lục Nam	Cải tạo nhà lớp học 3 tầng; XD nhà ký túc 30 Phòng; nhà đa năng; công trình phụ trợ	2021-2023	6381/QĐ-UBND ngày 28/9/2022	64.000	14.668	9.003	23.671	14.668	9.003	17.082	13.082	4.000	6.589	1.586	5.003
1.1.3	Dự án cải tạo, nâng cấp Trường phổ thông dân tộc bán trú THCS Sơn Hải, huyện Lục Ngạn; hạng mục: Nhà lớp học 4 tầng, nhà hiệu bộ 4 tầng, nhà công vụ giáo viên 02 tầng và các công trình phụ trợ.	Ban QLDA ĐTXD huyện Lục Ngạn	Huyện Lục Ngạn	Nhà lớp học 4 tầng, nhà hiệu bộ 4 tầng, nhà công vụ giáo viên 02 tầng và các công trình phụ trợ.	2022-2024	2699/QĐ-UBND ngày 29/9/2022	26.000	7.884	7.095	14.979	7.884	7.095	4.700	2.700	2.000	7.179	4.179	3.000
1.1.4	Dự án cải tạo, nâng cấp Trường phổ thông dân tộc nội trú huyện Yên Thế: Hạng mục Phòng ở nội trú cho học sinh nội trú, công trình vệ sinh, nước sạch, nhà sinh hoạt giáo dục văn hóa dân tộc, phòng học thông thường và phòng học bộ môn; các công trình phụ trợ (tường bao, lát sân...)	Ban QLDA ĐTXD huyện Yên Thế	Huyện Yên Thế	Nhà lớp học 3 tầng, 16 phòng học; 26 phòng bán trú, 01 phòng quản lý, 01 nhà sinh hoạt giáo dục dân tộc, nhà vệ sinh, các hạng mục phụ trợ	2022-2024	3399/QĐ-UBND ngày 19/8/2022	33.562	12.828	11.545	24.373	12.828	11.545	3.736	2.000	1.736	11.363	4.100	7.263

STT	Danh mục	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế/Nội dung thực hiện	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư				Kế hoạch vốn đầu tư phát triển giai đoạn 2021-2025			Kế hoạch vốn đầu tư phát triển đã phân bổ đến hết năm 2022			Kế hoạch vốn đầu tư phát triển năm 2023		
						Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó	
								Vốn Ngân sách trung ương	Vốn Ngân sách tỉnh		Vốn Ngân sách trung ương	Vốn Ngân sách tỉnh		Vốn Ngân sách trung ương	Vốn Ngân sách tỉnh		Vốn Ngân sách trung ương	Vốn Ngân sách tỉnh
1.1.5	Cải tạo, nâng cấp Trường PTDTBT THCS xã An Lạc, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang. Hạng mục: Xây dựng mới nhà lớp học, nhà ở bán trú học sinh và các công trình phụ trợ,	Ban QLDA ĐTXD huyện Sơn Động	Huyện Sơn Động	Nhà 3 tầng, 18 phòng học thông thường, bộ môn; nhà 3 tầng 14 phòng ở cho học sinh bán trú; phòng công vụ giáo viên; công trình vệ sinh, công trình phụ trợ	2022-2024	3888/QĐ-UBND ngày 30/9/2022	38.531	15.278	13.750	29.028	15.278	13.750	6.200	3.200	3.000	9.755	6.755	3.000
1.1.6	Cải tạo, nâng cấp Trường PTDTBT THCS Hộ Đáp; hạng mục: Nhà lớp học, nhà vệ sinh học sinh; Phòng chức năng 2 tầng; Bờ kè sân bán trú, lan can bờ sân, sân bê tông, vành lao bao quanh; Nhà ăn bán trú, phòng trực quản sinh.	Ban QLDA ĐTXD huyện Lục Ngạn	Huyện Lục Ngạn	12 phòng ở cho học sinh bán trú, 9 phòng học, 8 phòng công vụ cho giáo viên, nhà ăn, nhà bếp, nhà kho, các công trình phụ trợ	2023-2025	3222/QĐ-UBND ngày 16/12/2022	25.000	10.155	9.139	19.294	10.155	9.139	300	300		3.400	2.400	1.000
1.1.7	Dự án Cải tạo, nâng cấp Trường PTDTBT THCS xã Dương Hưu, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang. (Hạng mục: Xây dựng nhà lớp học, nhà ở học sinh bán trú và các công trình phụ trợ)	Ban QLDA ĐTXD huyện Sơn Động	Huyện Sơn Động	20 phòng ở cho học sinh bán trú, 20 phòng học, 8 phòng công vụ cho giáo viên, 02 phòng quản lý học sinh, 01 nhà sinh hoạt, các công trình phụ trợ	2023-2025	5310/QĐ-UBND ngày 27/12/2022	37.420	15.514	13.962	29.476	15.514	13.962	300	300		4.700	3.700	1.000

PHỤ LỤC

KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI TỈNH BẮC GIANG NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số 1324/QĐ-UBND ngày 27 tháng 12 năm 2022 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

Biểu số 3c.3

BIỂU TỔNG HỢP KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số 1324/QĐ-UBND ngày 27 tháng 12 năm 2022 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Đơn vị	Tổng số xã phân bổ vốn	Kế hoạch xã phấn đấu đạt chuẩn NTM, nâng cao, kiểu mẫu năm 2023				Tổng kế hoạch vốn năm 2023	*Trong đó*		Ghi chú
			Xã duy trì tiêu chí	Đạt xã NTM	Đạt xã NTM nâng cao	Đạt xã NTM kiểu mẫu		Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	
	Tổng số	**72**	**41**	**9**	**14**	**8**	**281.240**	**216.040**	**65.200**	
1	Huyện Sơn Động	3	1	2			14.613	9.313	5.300	
2	Huyện Lục Ngạn	6	3	2	1		41.416	34.716	6.700	
3	Huyện Lục Nam	17	13	3	1		80.565	75.465	5.100	
4	Huyện Yên Thế	4	2	2			37.023	31.623	5.400	
5	Huyện Lạng Giang	9	3		4	2	22.660	12.360	10.300	
6	Huyện Tân Yên	8	4		3	1	21.660	12.360	9.300	
7	Huyện Hiệp Hoà	3	3				10.900		10.900	
8	Huyện Yên Dũng	7	2		3	2	18.260	12.360	5.900	
9	Huyện Việt Yên	9	4		2	3	15.570	9.270	6.300	
10	UBND Thành phố Bắc Giang	6	6				18.573	18.573		

Biểu số 3c.3.1

Giao cho: UBND huyện Sơn Động

KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC HIỆN
CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số 1324/QĐ-UBND ngày 27 tháng 12 năm 2022 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Địa phương	Tổng kế hoạch vốn năm 2023	*Trong đó*		Ghi chú
			Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	
	Tổng số	**14.613**	**9.313**	**5.300**	
I	**Nội dung thành phần số 02: Phát triển hạ tầng KT-XH cơ bản đồng bộ, hiện đại, đảm bảo kết nối nông thôn - đô thị và kết nối các vùng miền**	**14.313**	**9.313**	**5.000**	
1	Tuấn Đạo	9.313	9.313		
2	Đại Sơn	2.500		2.500	
3	Yên Định	2.500		2.500	
II	**Nội dung thành phần số 11: Tăng cường công tác giám sát, đánh giá thực hiện chương trình, nâng cao năng lực xây dựng NTM, truyền thông về xây dựng NTM, thực hiện phong trào thi đua cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới**	**300**		**300**	
1	Tuấn Đạo	300		300	Thưởng xã đạt chuẩn NTM

Ghi chú: UBND huyện giao kế hoạch chi tiết.

Biểu số 3c.3.2

Giao cho: UBND huyện Lục Ngạn

KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC HIỆN
CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số 1324/QĐ-UBND ngày 27 tháng 12 năm 2022 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Địa phương	Tổng kế hoạch vốn năm 2023	*Trong đó*		Ghi chú
			Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	
	Tổng số	**41.416**	**34.716**	**6.700**	
I	**Nội dung thành phần số 02: Phát triển hạ tầng KT-XH cơ bản đồng bộ, hiện đại, đảm bảo kết nối nông thôn - đô thị và kết nối các vùng miền**	**40.716**	**34.716**	**6.000**	
1	Phì Điền	9.313	9.313		
2	Tân Hoa	9.313	9.313		
3	Kiên Lao	9.000	6.500	2.500	
4	Tân Lập	9.000	6.500	2.500	
5	Mỹ An	4.090	3.090	1.000	
II	**Nội dung thành phần số 11: Tăng cường công tác giám sát, đánh giá thực hiện chương trình, nâng cao năng lực xây dựng NTM, truyền thông về xây dựng NTM, thực hiện phong trào thi đua cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới**	**700**		**700**	
1	Thanh Hải	300		300	Thưởng xã đạt chuẩn NTM nâng cao
2	Phì Điền	200		200	Thưởng xã đạt chuẩn NTM
3	Tân Hoa	200		200	Thưởng xã đạt chuẩn NTM

Ghi chú: UBND huyện giao kế hoạch chi tiết.

Biểu số 3c.3.3

Giao cho: UBND huyện Lục Nam

KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC HIỆN
CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số 1324/QĐ-UBND ngày 27 tháng 12 năm 2022 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Địa phương	Tổng kế hoạch vốn năm 2023	*Trong đó*		Ghi chú
			Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	
	Tổng số	**80.565**	**75.465**	**5.100**	
I	**Nội dung thành phần số 02: Phát triển hạ tầng KT-XH cơ bản đồng bộ, hiện đại, đảm bảo kết nối nông thôn - đô thị và kết nối các vùng miền**	**79.265**	**75.465**	**3.800**	
I.1	**UBND huyện Lục Nam**	**16.626**	**16.626**		
I.2	**UBND các xã**	**62.639**	**58.839**	**3.800**	
1	Yên Sơn	9.313	9.313		
2	Vũ Xá	9.313	9.313		
3	Trường Giang	10.313	9.313	1.000	
4	Lục Sơn	900		900	
5	Vô Tranh	900		900	
6	Cương Sơn	4.090	3.090	1.000	
7	Xã Đông Phú	3.090	3.090		
8	Xã Bắc Lũng	3.090	3.090		
9	Xã Chu Điện	3.090	3.090		
10	Xã Khám Lạng	3.090	3.090		
11	Xã Bảo Sơn	3.090	3.090		
12	Xã Cẩm Lý	3.090	3.090		
13	Xã Lan Mẫu	3.090	3.090		
14	Xã Huyền Sơn	3.090	3.090		
15	Xã Tiên Nha	3.090	3.090		
II	**Nội dung thành phần số 11: Tăng cường công tác giám sát, đánh giá thực hiện chương trình, nâng cao năng lực xây dựng NTM, truyền thông về xây dựng NTM, thực hiện phong trào thi đua cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới**	**1.300**	**0**	**1.300**	
1	Yên Sơn	200		200	Thưởng xã đạt chuẩn NTM
2	Vũ Xá	200		200	Thưởng xã đạt chuẩn NTM
3	Bình Sơn	300		300	Thưởng xã đạt chuẩn NTM
4	Trường Sơn	300		300	Thưởng xã đạt chuẩn NTM
5	Xã Đông Phú	300		300	Thưởng xã đạt chuẩn NTM nâng cao

Ghi chú: UBND huyện giao kế hoạch chi tiết.

Biểu số 3c.3.4

Giao cho: UBND huyện Yên Thế

KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC HIỆN
CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số 1324/QĐ-UBND ngày 27 tháng 12 năm 2022 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Địa phương	Tổng kế hoạch vốn năm 2023	*Trong đó*		Ghi chú
			Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	
	Tổng số	**37.023**	**31.623**	**5.400**	
I	**Nội dung thành phần số 02: Phát triển hạ tầng KT-XH cơ bản đồng bộ, hiện đại, đảm bảo kết nối nông thôn - đô thị và kết nối các vùng miền**	**36.623**	**31.623**	**5.000**	
1	Tam Hiệp	9.310	9.310		
2	Đồng Kỳ	9.313	9.313		
3	Đông Sơn	9.000	6.500	2.500	
4	Tân Sỏi	9.000	6.500	2.500	
II	**Nội dung thành phần số 11: Tăng cường công tác giám sát, đánh giá thực hiện chương trình, nâng cao năng lực xây dựng NTM, truyền thông về xây dựng NTM, thực hiện phong trào thi đua cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới**	**400**		**400**	
1	Tam Hiệp	200		200	Thưởng xã đạt chuẩn NTM
2	Đồng Kỳ	200		200	Thưởng xã đạt chuẩn NTM

Ghi chú: UBND huyện giao kế hoạch chi tiết.

Biểu số 3c.3.5

Giao cho: UBND huyện Lạng Giang

KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC HIỆN
CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số 1324/QĐ-UBND ngày 27 tháng 12 năm 2022 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Địa phương	Tổng kế hoạch vốn năm 2023	*Trong đó*		Ghi chú
			Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	
	Tổng số	**22.660**	**12.360**	**10.300**	
I	**Nội dung thành phần số 02: Phát triển hạ tầng KT-XH cơ bản đồng bộ, hiện đại, đảm bảo kết nối nông thôn - đô thị và kết nối các vùng miền**	**21.460**	**12.360**	**9.100**	
I.1	**UBND huyện Lạng Giang**	**3.100**		**3.100**	
I.2	**UBND các xã**	**18.360**	**12.360**	**6.000**	
1	Đào Mỹ	4.090	3.090	1.000	
2	Xương Lâm	4.090	3.090	1.000	
3	Thái Đào	4.090	3.090	1.000	
4	An Hà	4.090	3.090	1.000	
5	Tân Hưng	1.000		1.000	
6	Nghĩa Hưng	1.000		1.000	
II	**Nội dung thành phần số 11: Tăng cường công tác giám sát, đánh giá thực hiện chương trình, nâng cao năng lực xây dựng NTM, truyền thông về xây dựng NTM, thực hiện phong trào thi đua cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới**	**1.200**		**1.200**	
1	Đại Lâm	300		300	Thưởng xã đạt chuẩn NTM nâng cao
2	Quang Thịnh	300		300	Thưởng xã đạt chuẩn NTM nâng cao
3	Nghĩa Hòa	300		300	Thưởng xã đạt chuẩn NTM nâng cao
4	Tân Hưng	300		300	Thưởng xã đạt chuẩn NTM nâng cao

Ghi chú: UBND huyện giao kế hoạch chi tiết.

Biểu số 3c.3.6

Giao cho: UBND huyện Tân Yên

KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC HIỆN
CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số 1324/QĐ-UBND ngày 27 tháng 12 năm 2022 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Địa phương	Tổng kế hoạch vốn năm 2023	*Trong đó*		Ghi chú
			Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	
	Tổng số	**21.660**	**12.360**	**9.300**	
I	**Nội dung thành phần số 02: Phát triển hạ tầng KT-XH cơ bản đồng bộ, hiện đại, đảm bảo kết nối nông thôn - đô thị và kết nối các vùng miền**	**20.460**	**12.360**	**8.100**	
I.1	**UBND huyện Tân Yên**	**3.100**		**3.100**	
I.2	**UBND các xã**	**17.360**	**12.360**	**5.000**	
1	Liên Sơn	4.090	3.090	1.000	
2	Lam Cốt	4.090	3.090	1.000	
3	Ngọc Lý	4.090	3.090	1.000	
4	Việt Lập	4.090	3.090	1.000	
5	Quế Nham	1.000		1.000	
II	**Nội dung thành phần số 11: Tăng cường công tác giám sát, đánh giá thực hiện chương trình, nâng cao năng lực xây dựng NTM, truyền thông về xây dựng NTM, thực hiện phong trào thi đua cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới**	**1.200**		**1.200**	
1	Phúc Sơn	300		300	Thưởng xã đạt chuẩn NTM nâng cao
2	Ngọc Châu	300		300	Thưởng xã đạt chuẩn NTM nâng cao
3	Quế Nham	300		300	Thưởng xã đạt chuẩn NTM nâng cao
4	Phúc Hòa	300		300	Thưởng xã đạt chuẩn NTM nâng cao

Ghi chú: UBND huyện giao kế hoạch chi tiết.

Biểu số 3c.3.7

Giao cho: UBND huyện Hiệp Hòa

KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC HIỆN
CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số 1324/QĐ-UBND ngày 27 tháng 12 năm 2022 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Địa phương	Tổng kế hoạch vốn năm 2023	*Trong đó*		Ghi chú
			Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	
	Tổng số	**10.900**	**-**	**10.900**	
I	**Nội dung thành phần số 02: Phát triển hạ tầng KT-XH cơ bản đồng bộ, hiện đại, đảm bảo kết nối nông thôn - đô thị và kết nối các vùng miền**				
	UBND huyện Hiệp Hòa	**10.000**	**-**	**10.000**	
II	**Nội dung thành phần số 11: Tăng cường công tác giám sát, đánh giá thực hiện chương trình, nâng cao năng lực xây dựng NTM, truyền thông về xây dựng NTM, thực hiện phong trào thi đua cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới**	**900**	**-**	**900**	
1	Mai Trung	300		300	Thưởng xã đạt chuẩn NTM nâng cao
2	Thanh Vân	300		300	Thưởng xã đạt chuẩn NTM nâng cao
3	Đông Lỗ	300		300	Thưởng xã đạt chuẩn NTM nâng cao

Ghi chú: UBND huyện giao kế hoạch chi tiết.

Biểu số 3c.3.8

Giao cho: UBND huyện Yên Dũng

KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC HIỆN
CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số 1324/QĐ-UBND ngày 27 tháng 12 năm 2022 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Địa phương	Tổng kế hoạch vốn năm 2023	*Trong đó*		Ghi chú
			Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	
	Tổng số	**18.260**	**12.360**	**5.900**	
I	**Nội dung thành phần số 02: Phát triển hạ tầng KT-XH cơ bản đồng bộ, hiện đại, đảm bảo kết nối nông thôn - đô thị và kết nối các vùng miền**	**17.360**	**12.360**	**5.000**	
1	Đồng Việt	4.090	3.090	1.000	
2	Trí Yên	4.090	3.090	1.000	
3	Lão Hộ	4.090	3.090	1.000	
4	Cảnh Thụy	1.000		1.000	
5	Lãng Sơn	4.090	3.090	1.000	
II	**Nội dung thành phần số 11: Tăng cường công tác giám sát, đánh giá thực hiện chương trình, nâng cao năng lực xây dựng NTM, truyền thông về xây dựng NTM, thực hiện phong trào thi đua cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới**	**900**		**900**	
1	Tư Mại	300		300	Thưởng xã đạt chuẩn NTM nâng cao
2	Tiến Dũng	300		300	Thưởng xã đạt chuẩn NTM nâng cao
3	Cảnh Thụy	300		300	Thưởng xã đạt chuẩn NTM nâng cao

Ghi chú: UBND huyện giao kế hoạch chi tiết.

Biểu số 3c.3.9

Giao cho: UBND huyện Việt Yên

KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC HIỆN
CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số 1324/QĐ-UBND ngày 27 tháng 12 năm 2022 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Địa phương	Tổng kế hoạch vốn năm 2023	*Trong đó*		Ghi chú
			Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	
	Tổng số	**15.570**	**9.270**	**6.300**	
I	**Nội dung thành phần số 02: Phát triển hạ tầng KT-XH cơ bản đồng bộ, hiện đại, đảm bảo kết nối nông thôn - đô thị và kết nối các vùng miền**	**14.270**	**9.270**	**5.000**	
1	Quang Châu	4.090	3.090	1.000	
2	Nghĩa Trung	4.090	3.090	1.000	
3	Ninh Sơn	4.090	3.090	1.000	
4	Tăng Tiến	1.000		1.000	
5	Việt Tiến	1.000		1.000	
II	**Nội dung thành phần số 11: Tăng cường công tác giám sát, đánh giá thực hiện chương trình, nâng cao năng lực xây dựng NTM, truyền thông về xây dựng NTM, thực hiện phong trào thi đua cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới**	**1.300**		**1.300**	
1	Tự Lạn	300		300	Thưởng xã đạt chuẩn NTM nâng cao
2	Thượng Lan	300		300	Thưởng xã đạt chuẩn NTM nâng cao
3	Vân Trung	300		300	Thưởng xã đạt chuẩn NTM nâng cao
4	Quảng Minh	400		400	Thưởng xã đạt chuẩn NTM kiểu mẫu

Ghi chú: UBND huyện giao kế hoạch chi tiết.

Biểu số 3c.3.10

Giao cho: UBND Thành phố Bắc Giang

KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC HIỆN
CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số 1324/QĐ-UBND ngày 27 tháng 12 năm 2022 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Địa phương	Tổng kế hoạch vốn năm 2023	*Trong đó*		Ghi chú
			Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	
	Tổng số	**18.573**	**18.573**		
	Nội dung thành phần số 02: Phát triển hạ tầng KT-XH cơ bản đồng bộ, hiện đại, đảm bảo kết nối nông thôn - đô thị và kết nối các vùng miền	**18.573**	**18.573**		
1	Xã Tân Tiến	3.090	3.090		
2	Xã Đồng Sơn	3.090	3.090		
3	Xã Song Mai	3.090	3.090		
4	Xã Dĩnh Trì	3.090	3.090		
5	Xã Tân Mỹ	3.090	3.090		
6	Xã Song Khê	3.123	3.123		

Ghi chú: UBND TP giao kế hoạch chi tiết.